

## **BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 155/2015/TT-BTC)*

**Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội**  
**Năm báo cáo 2018**

## MỤC LỤC

I. THÔNG TIN CHUNG	3
I.1. Thông tin khái quát	3
I.2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:	5
I.3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý	5
I.4. Định hướng phát triển	7
I.5. Các rủi ro: (Nêu các rủi ro có thể ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh hoặc đối với việc thực hiện các mục tiêu của Công ty, trong đó có rủi ro về môi trường).	8
II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM	10
II.1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh	10
II.2. Tổ chức và nhân sự	11
II.3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án	17
II.4. Tình hình tài chính	18
II.5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.	19
II.6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty	20
III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	21
III.1. Đánh giá môi trường kinh doanh năm 2018	21
III.2. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh	22
III.3. Tình hình tài chính	23
III.4. Kế hoạch sản xuất – kinh doanh năm 2018	24
III.5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán (nếu có) - (Trường hợp ý kiến kiểm toán không phải là ý kiến chấp thuận toàn phần).	24
III.6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty	24
IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	25
IV.1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội.	25
IV.2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty	25
IV.3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị	25
V. QUẢN TRỊ CÔNG TY	26
V.1. Hội đồng quản trị	26
V.2. Ban Kiểm soát	28
V.3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát	30
VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH	31
V.1. Ý kiến kiểm toán	31
V.2. Báo cáo tài chính được kiểm toán	32

## I. THÔNG TIN CHUNG

### I.1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội (HEID)
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0103016836 do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu vào ngày 17/04/2007, thay đổi lần thứ nhất ngày 30 tháng 08 năm 2007, thay đổi lần thứ hai vào ngày 19 tháng 5 năm 2008, thay đổi lần thứ 3 vào ngày 20/9/2010 (số mới 0102222393).
- Vốn điều lệ: 150.000.000.000 đồng.
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 150.000.000.000 đồng.
- Địa chỉ: Số 187B, Giảng Võ, Phường Cát Linh, Quận Đống Đa, TP. Hà Nội.
- Số điện thoại: 024.3512.39.39      Số fax: 024.3512.38.38      Website: heid.vn
- Mã cổ phiếu: EID

#### *Quá trình hình thành và phát triển*

- Quá trình hình thành và phát triển (ngày thành lập, thời điểm niêm yết, thời gian các mốc sự kiện quan trọng kể từ khi thành lập đến nay):

#### **Năm 2007**

- Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội là Công ty thành viên của Nhà xuất bản Giáo dục và thành lập theo Quyết định số 310/QĐ- TCNS ngày 23/03/2007 của Chủ tịch Hội đồng quản trị Nhà xuất bản Giáo dục. Hoạt động kinh doanh của Công ty chịu sự điều chỉnh của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.
- Công ty được thành lập với số vốn điều lệ ban đầu là 80.000.000.000 đồng.
- Công ty là một đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103016836 do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu vào ngày 17/04/2007, thay đổi lần thứ nhất ngày 30 tháng 08 năm 2007, thay đổi lần thứ hai vào ngày 19 tháng 5 năm 2008, thay đổi lần thứ 3 vào ngày 20/9/2010 (mã số doanh nghiệp 0102222393).

#### **Năm 2009:**

- Cổ phiếu của Công ty có mã chứng khoán EID và được niêm yết trên Sàn Giao dịch Chứng khoán Hà Nội từ ngày 11/8/2009.
- Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo: tặng bằng khen đơn vị hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm 2009.

#### **Năm 2010:**

- Tháng 6 năm 2010, vốn điều lệ của Công ty được tăng lên 150.000.000.000 đồng
- NXBGDVN : Tặng cờ luân lưu và cúp đơn vị xuất sắc toàn diện của NXBGDVN cho HEID - đơn vị đạt hiệu quả kinh doanh xuất sắc toàn diện, dẫn đầu trong hệ thống NXBGDVN năm 2010.

**Năm 2011:**

- Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo: khen tặng danh hiệu tập thể lao động xuất sắc cho Công ty HEID.
- NXBGDVN tặng cờ và cúp đặc biệt xuất sắc của NXBGDVN cho Công ty HEID - đơn vị đạt kết quả kinh doanh xuất sắc toàn diện dẫn đầu trong hệ thống NXBGDVN năm 2011.

**Năm 2012:**

- Ngày 30/3/2012, hoàn thành việc tiếp nhận Công ty TNHH MTV Hồng Hà Thành Công về làm công ty con của Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội.
- Thủ tướng chính phủ : tặng bằng khen Công ty HEID – NXBGDVN: “Đã có thành tích trong công tác từ năm 2008 đến năm 2010 góp phần vào việc xây dựng CNXH và bảo vệ Tổ quốc”
- NXBGDVN tặng cờ và cúp đặc biệt xuất sắc của NXBGDVN cho Công ty HEID –là một trong hai đơn vị đạt kết quả kinh doanh xuất sắc toàn diện dẫn đầu trong hệ thống NXBGDVN năm 2012.

**Năm 2013:**

- Ngày 30/3/2012, hoàn thành việc tiếp nhận Công ty TNHH MTV Hồng Hà Thành Công về làm công ty con của Công ty HEID.
- NXBGDVN tặng cúp Đặc biệt Xuất sắc cho Công ty HEID là một trong 3 đơn vị đạt hiệu quả kinh doanh xuất sắc toàn diện, dẫn đầu trong hệ thống NXBGDVN năm 2013.

**Năm 2014:**

- Công ty đã được Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội trao cúp cho Công ty nằm trong top 30 doanh nghiệp niêm yết minh bạch nhất trên tổng số 521 doanh nghiệp niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội.
- NXBGDVN tặng cúp Đặc biệt Xuất sắc tiêu biểu cho Công ty HEID - đơn vị đạt hiệu quả kinh doanh xuất sắc toàn diện, dẫn đầu trong hệ thống NXBGDVN năm 2014.

**Năm 2015:**

- Thủ tướng Chính phủ tặng thưởng Huân chương lao động hạng 3 cho Công ty HEID.
- NXBGDVN tặng cúp Đặc biệt Xuất sắc tiêu biểu cho Công ty HEID - đơn vị đạt hiệu quả kinh doanh xuất sắc toàn diện, dẫn đầu trong hệ thống NXBGDVN năm 2015.

**Năm 2016:**

- NXBGDVN tặng cúp Đặc biệt Xuất sắc tiêu biểu cho Công ty HEID - đơn vị đạt hiệu quả kinh doanh xuất sắc toàn diện, dẫn đầu trong hệ thống NXBGDVN năm 2016.

**Năm 2017:**

- NXBGDVN tặng danh hiệu tập thể lao động xuất sắc năm 2017 cho Công ty HEID.

**Năm 2018:**

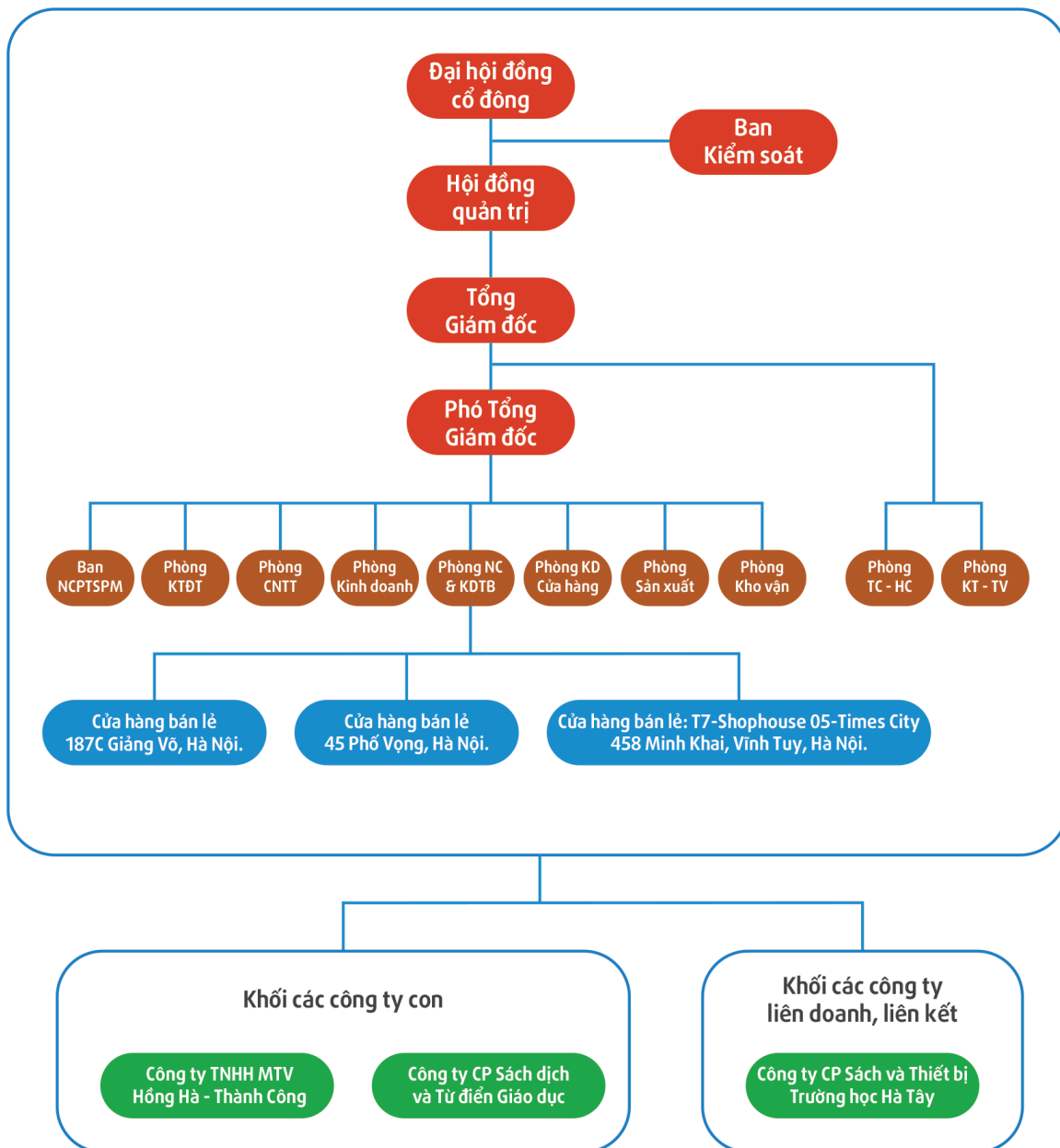
- NXBGDVN tặng danh hiệu tập thể lao động xuất sắc năm 2018 cho Công ty HEID.
- Các sự kiện khác

**I.2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:**

- Ngành nghề kinh doanh: Xuất bản, in và phát hành sách giáo khoa, sách bổ trợ, sách tham khảo, thiết bị, phần mềm phục vụ dạy và học.
- Địa bàn kinh doanh: địa bàn chính 29 tỉnh thành phố khu vực miền Bắc.

**I.3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý**

- Mô hình quản trị : Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội hoạt động theo Luật doanh nghiệp và mô hình Công ty Mẹ - Công ty con.
- Cơ cấu bộ máy quản lý



– Các công ty con, công ty liên kết:

STT	Tên Công ty	Địa chỉ	Ngành nghề kinh doanh chính	Vốn điều lệ (tỉ đồng)	Tỉ lệ sở hữu của HEID (%)
<b>I</b>	<b>Công ty con</b>				
1	Công ty TNHH MTV Hồng Hà – Thành công	K3b, ngõ 6a, phố Thành Công, P. Thành Công, Q. Ba Đình, TP. Hà Nội	Kinh doanh bất động sản	110	100

2	Công ty CP Sách dịch và Từ điển Giáo dục	Tòa nhà Văn phòng HEID – ngõ 12 Láng Hạ – phường Thành công – quận Ba Đình – Hà Nội.	Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính: Dịch thuật, biên soạn và kinh doanh thiết bị giáo dục; biên soạn các loại từ điển, sách tra cứu, sổ tay và các loại sách tham khảo phục vụ phát triển giáo dục và nâng cao dân trí.	3	89
<b>II</b>	<b>Công ty liên kết</b>				
1	Công ty CP. Sách và Thiết bị trường học Hà Tây	Số 72 Bà Triệu, quận Hà Đông, Tp Hà Nội	Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính: kinh doanh sách giáo khoa; sản xuất kinh doanh thiết bị đồ dùng dạy học và đồ dùng học sinh; in ấn và phát hành các xuất bản phẩm giáo dục, văn hóa v.v.	20,5	46,34

#### **I.4. Định hướng phát triển**

##### **I.4.1. Các mục tiêu chủ yếu của Công ty**

- Phát triển Công ty một cách ổn định, bền vững, phải bảo toàn được nguồn vốn và mang lại lợi ích cho cổ đông, đồng thời đảm bảo đời sống cho cán bộ nhân viên.
- Doanh thu năm 2019: 480 tỉ đồng
- Lợi nhuận năm 2019: 45,1 tỉ đồng
- Cổ tức năm 2019: 13%

##### **I.4.2. Chiến lược phát triển trung và dài hạn**

- Ổn định cơ cấu, bộ máy quản lí.
- Tập trung nguồn lực về tài chính, tiếp tục tăng cường nhân sự có trình độ chuyên môn cao, xây dựng đội ngũ tác giả, chuyên gia, cộng tác viên có kinh nghiệm để tổ chức để thực hiện thành công bộ sách giáo khoa mới và phát triển các dòng sản phẩm mới đón đầu chủ trương của Nhà nước “Một chương trình, nhiều bộ sách

giáo khoa”. Hoàn thành bộ sách giáo khoa mới (sách giấy, sách điện tử, thiết bị dạy học) trong 3 năm từ năm 2019 đến năm 2021.

- Năm 2019 mặc dù phải đầu tư, chi phí nhiều nhưng vẫn gắng giữ vững chỉ tiêu lợi nhuận, cố tức như năm 2018.
- Doanh thu, lợi nhuận đạt được phải đảm bảo lợi ích của người lao động, chi trả cổ tức cho cổ đông và có nguồn tích lũy để tái cơ cấu mở rộng cho những năm tiếp theo.
- Tiếp tục đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lí, điều hành, sản xuất – kinh doanh để nâng cao hiệu quả lao động, tạo ra các dòng sản phẩm mới được tích hợp với học liệu điện tử có khả năng cạnh tranh cao, chống in lậu.
- Cần chú trọng đến việc xây dựng hình ảnh và thương hiệu, giữ gìn môi trường, thực hiện trách nhiệm xã hội.
- Tiếp tục cải tiến chế độ trả lương, trả thưởng đối với người lao động cho phù hợp với cơ chế thị trường, gắn quyền lợi với năng suất lao động.
- Đảm bảo đời sống vật chất, tinh thần ổn định và phát triển cho người lao động.

#### **I.4.3. Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng) và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty**

- Vẫn tập trung phát triển những ngành nghề chủ đạo hiện có của công ty theo hướng chiều sâu...
- Chuẩn bị mọi nguồn lực về tài chính, nhân sự, tổ chức thực hiện Nghị quyết TW 8 về đổi mới căn bản và toàn diện về Giáo dục Đào tạo.
- Công ty luôn chú trọng công tác bảo vệ môi trường lành mạnh.
- Công ty đã có nhiều năm thực hiện tốt trách nhiệm và nhiệm vụ đối với xã hội và cộng đồng, chung tay cùng chính quyền thực hiện chương trình hỗ trợ xây dựng nhà tình nghĩa cho gia đình các thầy, cô giáo có hoàn cảnh khó khăn; tài trợ cho quỹ trẻ em Việt Nam, trao tặng hàng trăm suất quà và sách vở cho các cháu học sinh nghèo vượt khó, các gia đình có hoàn cảnh khó khăn và hỗ trợ các chương trình Giáo dục khác...đặc biệt tham gia tích cực đóng góp hàng năm vào “Quỹ em không phải bỏ học”.
- Cấp phát tài liệu miễn phí cho giáo viên.

#### **I.5. Các rủi ro: (Nêu các rủi ro có thể ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh hoặc đối với việc thực hiện các mục tiêu của Công ty, trong đó có rủi ro về môi trường).**

##### **I.5.1. Rủi ro về kinh tế**

Tốc độ phát triển của nền kinh tế ảnh hưởng đến sự phát triển của các ngành nói chung và ngành xuất bản, phát hành, in và các dịch vụ liên quan đến in nói riêng. Khi nền kinh tế có được sự tăng trưởng chậm lại thì các nhu cầu về giáo dục và dân trí sẽ bị ảnh hưởng và ngược lại.

Tuy nhiên, năm 2018 GDP đạt 7,08% tăng 4% so với mức 6,81% của năm 2017.



Đồng thời, ngành giáo dục đang là một trong những ngành đang được ưu tiên và phát triển trong thời gian tới. Việt Nam là nước có tỷ lệ dân số trẻ cao, cho nên nhu cầu đối với giáo dục và đào tạo lớn. Vì vậy, rủi ro về kinh tế của ngành giáo dục nói chung và của công ty nói riêng trong giai đoạn này là không đáng lo ngại.

### **I.5.2. Rủi ro về luật pháp**

Quốc hội đã ban hành Nghị quyết 29 về đổi mới chương trình và SGK, theo đó sẽ có 1 chương trình và có nhiều sách giáo khoa bắt đầu được áp dụng từ năm 2020. Vì vậy, nếu HEID không chủ động để nắm bắt, xây dựng chiến lược và kế hoạch nhân sự, phát triển sản xuất kinh doanh phù hợp với xu thế này thì sẽ bị ảnh hưởng.

### **I.5.3. Rủi ro về môi trường**

Quá trình sản xuất tạo ra sản phẩm của HEID theo đánh giá thì không gây nhiều tác động tiêu cực đến môi trường. Tuy nhiên, nguyên liệu đầu vào chủ yếu trong quá trình sản xuất của HEID lại là giấy và mực in, đây là hai loại nguyên liệu cần xử dụng một lượng lớn các hóa chất có ảnh hưởng đến môi trường để xử lí, qua đó gián tiếp ảnh hưởng đến môi trường. Ngoài ra, trong quá trình sản xuất cũng cần đến một lượng lớn nguyên liệu như điện, nước, xăng, dầu... Với nhu cầu ngày càng cao thì nhu cầu xử dụng các nguồn năng lượng trên càng lớn.

Ý thức được vấn đề bảo vệ môi trường, đồng thời hướng đến mục tiêu phát triển bền vững, HEID ưu tiên sử dụng các nguyên liệu từ sản phẩm tái chế, áp dụng các biện pháp tiết kiệm nguyên liệu.

### **I.5.4. Rủi ro đặc thù**

Nền kinh tế thị trường cùng với việc hội nhập đặt ra cho HEID nhiều những cơ hội cũng như nhiều thách thức mới. Trong quá trình Nhà nước cắt bỏ dần dần cơ chế độc quyền kinh doanh, hoạt động trong môi trường cạnh tranh ngày càng gay gắt sẽ gây sức ép tới mọi hoạt động của Công ty, buộc Công ty phải luôn đổi mới và có những chiến lược kinh doanh trong từng thời kỳ phù hợp.

Lĩnh vực kinh doanh chủ yếu của HEID là xuất bản, phát hành sách trong đó sách bổ trợ và sách tham khảo là chủ yếu; in các loại lịch; kinh doanh thiết bị giáo dục, thiết bị văn phòng, các sản phẩm giáo dục khác như phần mềm giáo dục, văn phòng phẩm,...

*Mặt hàng sách bổ trợ:* Mặt hàng này chịu ảnh hưởng trực tiếp từ những thay đổi hàng năm của mặt hàng sách giáo khoa. Khi sách giáo khoa được bổ sung, sửa đổi và cập nhật kéo theo sự thay đổi tương ứng của sách bổ trợ. Do đó trong trường hợp công ty in ấn và phát hành quá nhiều so với nhu cầu thực tế thì số sách này cũng khó tiêu thụ trong những năm tiếp theo. Ngoài ra từ năm 2020 bắt đầu thay sách giáo khoa mới từ lớp 1, việc này cũng sẽ ảnh hưởng đến sản lượng sách bổ trợ.

*Mặt hàng sách tham khảo:* Kết quả kinh doanh của mặt hàng này phụ thuộc rất nhiều vào chất lượng của sách và việc nắm bắt nhu cầu thị trường của Công ty. Trên thực tế hiện nay tình trạng in lậu trái phép, xuất bản tràn lan những sách tham khảo có nội dung gần với sách giáo khoa của một số nhà xuất bản và một số tư nhân gây ảnh hưởng lớn đến tình hình phát hành của Công ty mà không dễ gì để có thể khắc phục được. Do sự hấp dẫn về doanh thu nên nhiều Nhà xuất bản bắt đầu tham gia vào lĩnh vực xuất bản sách tham khảo và tính cạnh tranh mặt hàng này ngày càng gay gắt.

*Mặt hàng thiết bị giáo dục:* Đối với mặt hàng này yếu tố giá cả đầu vào ảnh hưởng trực tiếp đến việc kinh doanh của Công ty. Đây là mặt hàng đặc thù, do đó đối tượng

khách hàng của Công ty chủ yếu là các đơn vị thuộc ngành giáo dục phần lớn trong địa bàn khu vực phía Bắc. Tuy nhiên, với lợi thế Công ty là nhà cung cấp chính trong địa bàn khu vực phía Bắc và thường nhập hàng dựa trên đơn đặt hàng của các công ty Sách thiết bị - trường học địa phương, các trường học, cơ quan và công sở nên rủi ro đầu ra của Công ty là không lớn.

*Học liệu điện tử:* Hiện nay với tình hình hội nhập với Thế giới nói chung và nước nhà nói riêng, việc công nghệ thông tin đang rất phát triển rộng rãi trong mọi lĩnh vực, đối với Giáo dục lại càng là vấn đề thiết yếu. Vì vậy, HEID cũng đang trong quá trình hoàn thiện, thử nghiệm và đưa vào đại trà bộ học liệu điện tử đi kèm sách phục vụ giáo viên và học sinh trên cả nước.

*Nguyên vật liệu:* hoạt động chính của Công ty là biên soạn, in ấn và phát hành nên chi phí nguyên liệu đầu vào chiếm một tỉ trọng lớn. Cụ thể, chi phí nguyên vật liệu chiếm 44,47% tổng chi phí sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm 2018. Vì vậy, mọi biến động về giá nguyên vật liệu đầu vào đều ảnh hưởng đến kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty. Để giảm thiểu rủi ro, Công ty luôn chủ động trong việc dự trữ nguyên vật liệu đầu vào tại những thời điểm thích hợp.

Nền kinh tế thị trường với sự cạnh tranh ngày càng khốc liệt hơn đòi hỏi Công ty phải luôn không ngừng nỗ lực để có thể đứng vững và phát triển. Muốn vậy, Công ty phải có một bộ máy quản lý giỏi, tâm huyết và giàu kinh nghiệm. Đây cũng là một trong những rủi ro và thách thức đối với Công ty trong cả hiện tại và tương lai.

## II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

### II.1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

- **Chỉ tiêu sản lượng**

TT	Mảng sách	Kế hoạch (bản)	Thực hiện (bản)	TL % TH/KH	TL % TH/CK
<b>I</b>	<b>Sách bổ trợ</b>	<b>26.500.000</b>	<b>29.384.784</b>	<b>110,9%</b>	<b>109,6%</b>
	1. SBT tiểu học	18.430.000	20.670.998	112,2%	111,1%
	2. SBT THCS	5.840.000	6.287.395	107,7%	104,3%
	3. SBT THPT	2.230.000	2.426.391	108,8%	111,8%
<b>II</b>	<b>Sách tiếng Anh mới</b>	<b>4.600.000</b>	<b>6.343.052</b>	<b>137,9%</b>	<b>129,9%</b>
	1. Sách từ lớp 3 đến 12		6.220.484		
	2. Lớp 1,2 (Macmillan)		122.568		
<b>III</b>	<b>Sách Hướng dẫn học</b>	<b>3.000.000</b>	<b>4.103.563</b>	<b>136,8%</b>	<b>63,1%</b>
<b>IV</b>	<b>Sách tham khảo và các SPGD khác</b>	<b>5.500.000</b>	<b>6.443.288</b>	<b>117,2%</b>	<b>80,2%</b>
	<b>Tổng cộng:</b>	<b>39.600.000</b>	<b>46.274.687</b>	<b>116,9%</b>	<b>100%</b>

• **Các chỉ tiêu kinh tế**

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch 2018	Thực hiện (Công ty mẹ) 2018	Thực hiện (hợp nhất) 2018	TL % TH Công ty mẹ so với KH	TL % TH Công ty mẹ so với cùng kỳ 2017
1	Tổng doanh thu	Tỉ đồng	480	588	599	122,5%	103,4%
2	Lợi nhuận thực hiện trước thuế	Tỉ đồng	44	47,6	52,8	108,2%	107,2%
3	Lợi nhuận thực hiện sau thuế	Tỉ đồng		37,4	40,9		105,3%
4	Cổ tức	%	13	13		100%	100%
5	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	Nghìn đồng			2,355		
6	Duy trì đảm bảo các nguồn tích lũy bổ sung cho quỹ phát triển sản xuất, quỹ dự phòng tài chính,...						

**II.2. Tổ chức và nhân sự**

**II.2.1. Danh sách Ban điều hành:**

**Ông: Vũ Bá Khánh** - Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị - Tổng Giám đốc Công ty

Họ và tên	Vũ Bá Khánh
Giới tính	Nam
Ngày sinh	12/3/1947
Địa chỉ thường trú	Q1, khu tập thể Tô Hiệu, phường Nguyễn Trãi, Thành phố Hà Đông, tỉnh Hà Tây
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Trình độ văn hóa	10/10
Trình độ chuyên môn	Khoa Toán Đại học Sư phạm, Quản lí kinh tế
Quá trình công tác	
Từ năm 1968 đến năm 1982	Chuyên viên Công ty Sách và Thiết bị trường học Hà Tây

+ Từ năm 1983 đến năm 1986	Phó Giám đốc, Quyền Giám đốc Công ty Sách và Thiết bị trường học Hà Tây.
+ Từ năm 1987 đến năm 2007	Giám đốc Công ty Sách và Thiết bị trường học Hà Tây.
Từ năm 2007 đến nay	Chủ tịch HĐQT Công ty Sách và Thiết bị trường học Hà Tây
Từ năm 2007 đến tháng 4/2011	Ủy viên HĐQT - Giám đốc (nay là Tổng Giám đốc) Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội.
Từ tháng 4/2011 đến nay	Phó Chủ tịch HĐQT – Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội.
Từ tháng 3/2012 đến nay	Chủ tịch Công ty TNHH MTV Hồng Hà Thành Công.
Số cổ phần	Số cổ phần của cá nhân là 30.525 cổ phần, chiếm 0.2% vốn điều lệ
Cổ phần của những người liên quan	Không có
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với công ty	Không

**Bà: Trần Thị Như Hà - Ủy viên Hội đồng quản trị - Phó Tổng Giám đốc**

Họ và tên	Trần Thị Như Hà
Giới tính	Nữ
Ngày sinh	6/12/1961
Địa chỉ thường trú	Ngõ 189, Nhà 9/29, Giảng Võ – Hà Nội
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Trình độ văn hóa	10/10
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Kinh tế - Đại học Kinh tế Quốc dân

## Quá trình công tác

Từ tháng 2/1982 đến tháng 12/1993	Nhân viên Công ty Sách và Thiết bị trường học
Từ tháng 1/1994 đến tháng 6/2002	Cửa hàng trưởng Công ty Sách và Thiết bị trường học
Từ tháng 7/2002 đến tháng 10/2004 :	Trưởng phòng chỉ đạo kinh doanh II Công ty Sách và Thiết bị trường học
Từ tháng 11/2004 đến tháng 6/2005 :	Trưởng phòng chỉ đạo kinh doanh II Công ty Sách thiết bị và Xây dựng trường học
Từ tháng 7/2005 đến tháng 7/2005 :	Giám đốc Trung tâm Sách thiết bị số 2 Công ty Sách thiết bị và Xây dựng trường học
Từ tháng 8/2005 đến tháng 4/2007 :	Trưởng phòng Kinh doanh Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại TP. Hà Nội
Từ tháng 5/2007 đến tháng 3/2008 :	Phó Giám đốc kiêm Trưởng phòng Kinh doanh Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội
Từ tháng 4/2008 đến tháng 4/2011 :	Phó Giám đốc (nay là Phó TGĐ) Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội
Từ tháng 4/2011 đến nay	Ủy viên HĐQT – Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội.
Từ tháng 3/2012 đến nay	Giám đốc lâm thời Công ty TNHH MTV Hồng Hà Thành Công.
Số cổ phần nắm giữ	Số cổ phần của cá nhân là 33.485 cổ phần, chiếm 0,22% vốn điều lệ
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với công ty	Không

## **Bà: Dương Thị Việt Hà - Ủy viên Hội đồng quản trị - Phó Tổng Giám đốc**

Họ và tên	Dương Thị Việt Hà
Giới tính	Nữ
Ngày sinh	28/9/1977

Địa chỉ thường trú	1512 tháp C tòa nhà Golden Palace – Mễ Trì Thượng – Quận Nam Từ Liêm-Hà Nội
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Trình độ văn hóa	12/12
Trình độ chuyên môn	Tốt nghiệp ngành Kế toán – Đại học Tài chính Kế toán Hà Nội. Tốt nghiệp MBA Quản trị Kinh doanh – Trường Đại học Quốc gia liên kết ĐH Griggs Hoa Kỳ. Chương trình đào tạo Kế toán trưởng của trường Kinh tế Quốc dân
Quá trình công tác	
Từ tháng 8/2001 đến tháng 12/2005	Kế toán viên phòng Kế toán tài vụ Nhà xuất bản Giáo dục
Từ tháng 1/2006 đến tháng 4/2007	Kế toán viên phòng kế toán- tài vụ Nhà xuất bản giáo dục tại Hà Nội;
Từ tháng 5/2007 đến nay	Ủy viên HĐQT, Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội;
Từ tháng 4/2018 đến nay	Ủy viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội;
Số cổ phần	Số cổ phần của cá nhân là 22.200 cổ phần, chiếm 0,15% vốn điều lệ.
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với công ty	Không

**Ông: Phan Doãn Thoại - Phó Tổng Giám đốc**

Họ và tên	Phan Doãn Thoại
Giới tính	Nam
Ngày sinh	26/06/1952

Địa chỉ thường trú	30 B9 tập thể Đại học Sư phạm Hà Nội, tổ 23, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, Hà Nội.
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Trình độ văn hóa	10/10
Trình độ chuyên môn	Tiến sĩ Toán
Quá trình công tác	
Từ năm 1973 đến tháng 9/2003	Khoa Toán – Đại học Sư phạm Hà Nội
Từ tháng 10/2003 đến tháng 10/2015	Phó Tổng biên tập Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
Từ tháng 11/2015 đến tháng nay	Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội
Số cổ phần nắm giữ	Số cổ phần của cá nhân là 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với công ty	Không

**Bà: Nguyễn Thanh Bình - Kế toán trưởng**

Họ và tên	Nguyễn Thanh Bình
Giới tính	Nữ
Ngày sinh	13/01/1983
Địa chỉ thường trú	B1907 Tòa nhà Golden Palace – Mễ Trì Thượng – Quận Nam Từ Liêm-Hà Nội
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Trình độ văn hóa	12/12
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Kế toán Học viên Tài chính

Quá trình công tác

Từ tháng 11/2007 đến tháng 6/2017	Kế toán viên Phòng Kế toán tài vụ Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội
Từ tháng 7/2017 đến tháng 3/2018	Phó Phòng Kế toán tài vụ Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội
Từ tháng 4/2018 đến tháng nay	Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội
Số cổ phần	Số cổ phần của cá nhân là 2.500 cổ phần, chiếm 0,017% vốn điều lệ.
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với công ty	Không

### **II.2.2. Những thay đổi trong ban điều hành:**

Miễn nhiệm chức vụ Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội của bà Dương Thị Thị Việt Hà kể từ ngày 10/4/2018.

Bổ nhiệm bà Dương Thị Thị Việt Hà giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội kể từ ngày 10/4/2018.

Bổ nhiệm bà Nguyễn Thanh Bình giữ chức vụ Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội kể từ ngày 10/4/2018.

### **II.2.3. Số lượng cán bộ, nhân viên. Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động.**

Ngay từ khi mới thành lập, Công ty đã xác định yếu tố con người là nhân tố quan trọng thúc đẩy sự phát triển của Công ty. Chính vì vậy, cùng với việc thúc đẩy hoạt động sản xuất kinh doanh Công ty luôn chú trọng công tác xây dựng và thường xuyên bồi dưỡng kiến thức chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ công nhân viên của Công ty. Hơn thế nữa, Công ty luôn chăm lo đến mọi mặt về đời sống vật chất cũng như tinh thần cho CBCNV, tạo nên những yếu tố để kích thích nhằm tăng năng suất lao động, đạt hiệu quả cao trong kinh doanh và hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch đề ra.

Các tổ chức để người lao động tham gia hoạt động: Công ty Có tổ chức Đảng với 32 Đảng viên, có Đoàn thanh niên và Ban chấp hành công đoàn.

Tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2018, số lượng công nhân viên của Công ty là 123 người. Trong đó

Số nhân viên nam: 48 người;

Số nhân viên nữ: 75 người;

Độ tuổi lao động trung bình: 39,86 tuổi



### ***Cơ cấu lao động phân theo trình độ lao động như sau:***

- Tiến sĩ, Phó tiến sĩ	4
- Thạc sĩ	15
- Đại học	77
- Cao đẳng	9
- Trung cấp, KTV, Lái xe, bằng nghề	10
- Phổ thông	8

## **II.3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án**

### **II.3.1. Các khoản đầu tư lớn:**

Ngày 5/12/2013, Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội đã thực hiện thành công việc mua đầu giá 512.500 cổ phần của SCIC tại Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị trường học Hà Tây.

Ngày 16/12/2013, Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội đã hoàn thành tiếp việc mua lại 125.000 cổ phần của Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Giáo dục tại Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị trường học Hà Tây.

Ngày 04/01/2016, Công ty đã mua thêm 125.000 cổ phần của Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Hà Tây từ Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghệ Văn Lang.

Và với việc chiếm tỷ lệ lớn cổ phần tại Công ty CP Sách TBTH Hà tây giúp công ty có một thị trường ổn định, tiềm năng về tài sản tương đối lớn, ngoài ra do Công ty CP Sách TBTH Hà tây có hiệu quả sản xuất kinh doanh ổn định và phát triển nên mỗi năm HEID được hưởng tỷ lệ cổ tức tại đây là từ 10% trở lên.

Tháng 7/2016, góp 12 tỉ đồng để thành lập mới Công ty Cổ phần Đầu tư xuất bản – Thiết bị trường học Việt Nam. Ngày 19/4/2017 giảm góp vốn xuống còn 6 tỉ đồng.

Tháng 16/9/2016, hoàn thành việc mua: 1.091.500 cổ phần, tương ứng với 10,03% số lượng cổ phiếu đang lưu hành của Công ty cổ phần Đầu tư Tài chính Giáo dục.

### **II.3.2. Các công ty con, công ty liên kết:**

#### **\* Đầu tư vào Công ty con:**

Công ty TNHH MTV Hồng Hà Thành Công được đầu tư 125 tỉ đồng (là đơn vị Sở hữu Tòa nhà văn phòng HEID). Năm 2018, Công ty TNHH MTV Hồng Hà Thành Công đã khai thác và cho thuê được 12/12 sàn (đạt tỉ lệ 100%) diện tích. Doanh thu: 13,844 tỷ đạt 102,9% so với cùng kỳ năm 2017. Lợi nhuận: 7,272 tỷ đạt 191% so với cùng kỳ năm 2017.

Công ty Cổ phần Sách dịch và Từ điển Giáo dục: tỉ lệ đầu tư là 89% vốn điều lệ tương đương 2,682 tỷ đồng (vốn điều lệ là 3 tỉ đồng). Năm 2018, Doanh thu: 7,344 tỷ đồng đạt 112,1% so với cùng kỳ năm 2017, lợi nhuận: 0,083 tỷ đồng đạt 10,2% so với cùng kỳ năm 2017. Công ty chuyên kinh doanh các dòng sản phẩm có chất lượng cao trên thị trường, dòng sản phẩm đặc trưng, cao cấp của NXBGDVN mang lại thương hiệu cho

NXBGDVN và cho Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội cũng như Công ty Cổ phần Sách dịch và Từ điển Giáo dục.

**\* Đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh:**

- Công ty cổ phần sách – thiết bị trường học Hà Tây: hiện tại Công ty HEID đang sở hữu 46,34% số cổ phần tại công ty này. Năm 2018 công ty có doanh thu: 110 tỷ đồng, lợi nhuận 4,4 tỷ đồng, chia cổ tức 10% đạt 100% so với cùng kỳ năm 2017.

- Góp vốn vào Công ty Cổ phần Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội với tỉ lệ sở hữu 4,85% vốn điều lệ Công ty. Năm 2018, Công ty chia cổ tức 10%.

- Góp vốn vào Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Giáo dục: với tỷ lệ sở hữu 10.03% vốn điều lệ Công ty.

- Góp vốn vào Công ty Cổ phần Xuất bản sách - thiết bị trường học Việt Nam: 6 tỷ đồng (tỉ lệ 5.52% vốn điều lệ), Công ty này có nhiệm vụ triển khai bộ SGK mới để thực hiện NQ 29/TW và NQ 88 Quốc hội về đổi mới căn bản giáo dục toàn diện. Có nhiều tương lai hứa hẹn về kết quả hoạt động.

**II.4. Tình hình tài chính**

**II.4.1. Tình hình tài chính**

Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2018	% tăng giảm
<i>* Đối với tổ chức không phải là tổ chức tín dụng và tổ chức tài chính phi ngân hàng:</i>			
Tổng giá trị tài sản	427.959.058.219	446.112.974.484	4,2
Doanh thu thuần	577.061.631.061	599.102.725.512	3,8
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	49.270.878.324	53.606.170.673	8,8
Lợi nhuận khác	(2.448.047.225)	(819.697.378)	-66,5
Lợi nhuận trước thuế	46.822.831.099	52.786.473.295	12,7
Lợi nhuận sau thuế	36.222.527.139	40.947.453.996	13

Các chỉ tiêu khác: (tùy theo đặc điểm riêng của ngành, của công ty để làm rõ kết quả hoạt động kinh doanh trong hai năm gần nhất).

**II.4.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:**

Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2018	Ghi chú
<i>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i>			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	1,70	1,87	

+ Hệ số thanh toán nhanh: <u>Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho</u> Nợ ngắn hạn	0.79	0,90	
<i>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i>			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0.42	0,41	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	0.74	0,70	
<i>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</i>			
+ Vòng quay hàng tồn kho:	2,54	2,47	
Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân			
Doanh thu thuần/Tổng tài sản	1,35	1,34	
<i>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</i>			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0,063	0,068	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	0,147	0,156	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0,085	0,092	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	0,085	0,089	

## **II.5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.**

### **II.5.1. Cổ phần:**

- Tổng số cổ phiếu phổ thông: 15.000.000 cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu lưu hành: 15.000.000 cổ phiếu
- Cổ phiếu thường: 15.000.000 cổ phiếu
- Cổ phiếu ưu đãi: 0 cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu quỹ: 0 cổ phiếu

### **II.5.2. Cơ cấu cổ đông:**

Theo danh sách cổ đông chốt ngày 01/03/2019 để nhận cổ tức tạm ứng năm 2018 và chốt danh sách tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018. Công ty có tổng số 1.110 cổ đông, cơ cấu như sau:

<b>TT</b>	<b>Cổ đông</b>	<b>Số lượng</b>	<b>Số CP sở hữu</b>	<b>Tỷ lệ(%)</b>
<b>I</b>	<b>Cổ đông trong nước</b>	<b>1.075</b>	<b>11.478.063</b>	<b>76,5</b>
1	Tổ chức trong nước	17	7.169.472	47,8
2	Cá nhân trong nước	1.058	4.308.591	28,7

<b>II</b>	<b>Cổ đông nước ngoài</b>	<b>35</b>	<b>3.521.937</b>	<b>23,5</b>
1	Tổ chức nước ngoài	10	1.981.200	13,2
2	Cá nhân nước ngoài	25	1.540.737	10,3
<b>III</b>	<b>Cổ phiếu quỹ</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
	<b>Cộng</b>		<b>15.000.000</b>	<b>100</b>

**II.5.3. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:** không có

**II.5.4. Giao dịch cổ phiếu quỹ:** không có

**II.5.5. Các chứng khoán khác:** Không

**II.6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty**

**II.6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:**

- a) Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm.
- b) Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức.

**II.6.2. Tiêu thụ năng lượng:**

- a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp.
- b) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả.
- c) Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo); báo cáo kết quả của các sáng kiến này.

**II.6.3. Tiêu thụ nước:** (mức tiêu thụ nước của các hoạt động kinh doanh trong năm)

- a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng.
- b) Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng.

**II.6.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:**

- a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường.
- b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường.

**II.6.5. Chính sách liên quan đến người lao động**

- a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động.

- Số lượng lao động: 123 người
- Mức lương trung bình đối với người lao động: 12 triệu đồng/người

- b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động.

Để đảm bảo quyền lợi cho người lao động, Công ty thanh toán đầy đủ các khoản BHXH, BHYT, BHTN cho người lao động. Ngoài ra, để người lao động có sức khỏe tốt và yên tâm làm việc, Công ty còn tổ chức lớp tập yoga ngay tại Công ty và khám chữa

bệnh định kì cho tất cả CBCNV.

c) Hoạt động đào tạo người lao động

- Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm, theo nhân viên và theo phân loại nhân viên.
- Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp.

**II.6.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương.**

Các hoạt động đầu tư cộng đồng và hoạt động phát triển cộng đồng khác, bao gồm hỗ trợ tài chính nhằm phục vụ cộng đồng.

Năm 2018, công ty đã chú trọng đến hoạt động xã hội, từ thiện xem đó là trách nhiệm của doanh nghiệp. Tổng mức kinh phí để cho hoạt động này là 410 triệu đồng.

**II.6.7. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN.**

*Lưu ý/Note:*(Mục 6 phần II Phụ lục này, công ty có thể lập riêng thành Báo cáo phát triển bền vững, trong đó các mục 6.1, 6.2 và 6.3 không bắt buộc đối với các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ tài chính, ngân hàng, chứng khoán, bảo hiểm).

**III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

**III.1. Đánh giá môi trường kinh doanh năm 2018**

**\* Thuận lợi:**

- Năm 2018, Công ty đã tạo ra nguồn sản phẩm để phục vụ nhiệm vụ sản xuất - kinh doanh vừa đa dạng, vừa phong phú. Trong đó có những sản phẩm mới đón đầu Chương trình giáo dục phổ thông mới đáp ứng được nhu cầu giảng dạy và học tập của các cơ sở giáo dục.

STT	TÊN SẢN PHẨM	ĐƠN VỊ TÍNH	SỐ LƯỢNG
1	Sách hỗ trợ sách giáo khoa	tên sách	172
2	Sách ngoại ngữ	tên sách	105
3	Sách phục vụ Mô hình THM	tên sách	87
4	Sách tham khảo và sản phẩm giáo dục	tên sách	567
	<b>Tổng cộng</b>		<b>931</b>

- Tình hình kinh tế vĩ mô ổn định, lãi suất vay ngân hàng hợp lý. Sự nghiệp giáo dục đào tạo tiếp tục đổi mới tạo thuận lợi trong việc tiếp cận thị trường. Sức mua cải thiện...

**\* Khó khăn:**

Nhìn chung, mặt bằng đời sống các các tầng lớp dân cư (nhất là khu vực miền núi) còn nhiều khó khăn ảnh hưởng đến sức mua.

Hệ thống các Công ty CP Sách - Thiết bị Trường học địa phương (các đối tác của Công ty trong việc cung ứng hàng hóa) tại các tỉnh, thành phố thuộc nhóm doanh nghiệp nhỏ, siêu nhỏ, vốn ít, nguồn nhân lực hạn chế vì vậy hạn chế trong công tác kinh doanh.

Nhiều công ty còn để tình trạng công nợ dây dưa kéo dài, không thực hiện đầy đủ các Hợp đồng kinh tế.

Các sản phẩm giáo dục của Công ty đều có các yếu tố cạnh tranh với các tổ chức và doanh nghiệp khác. Vì vậy, nếu không có các cơ chế phù hợp cũng hạn chế đến kết quả.

### III.2. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

#### Kết quả kinh doanh các sản phẩm phục vụ ngành giáo dục - đào tạo:

STT	MẶT HÀNG	KẾ HOẠCH (triệu bản)	THỰC HIỆN (triệu bản)	(%) KẾ HOẠCH	(%) CÙNG KÌ
1	Sách bổ trợ sách giáo khoa	26,5	<b>29,3</b>	110,6	109,6
2	Sách ngoại ngữ	4,6	<b>6,3</b>	136,9	129,9
3	Sách phục vụ Mô hình Trường học mới	3,0	<b>4,1</b>	136,7	63,1
4	Sách tham khảo và sản phẩm giáo dục	5,5	<b>6,4</b>	116,4	80,2
	<b>Tổng cộng</b>	39,6	<b>46,2</b>	116,6	100

#### Đầu tư, kinh doanh khác:

##### 2.1 Đầu tư vào Công ty con:

- Công ty TNHH MTV Hồng Hà Thành Công (đơn vị được giao nhiệm vụ kinh doanh và khai thác tòa nhà HEID).

- + Đầu tư : 125 tỷ
- + Khai thác : tất cả các sản phẩm được 100%
- + Doanh thu : 13.8 tỷ đạt 98,8% kế hoạch
- + Lợi nhuận : 7.2 tỷ đạt 121.2% kế hoạch

- Công ty CP Sách Dịch và Từ điển Giáo dục:

- + Đầu tư : 2,602 tỷ (89,4% vốn điều lệ)
- + Doanh thu : 7.5 tỷ (đạt 117% kế hoạch)
- + Lợi nhuận : 104 triệu đồng (đạt 231% kế hoạch)

##### 2.2 Đầu tư vào các Công ty liên kết:

- Công ty CP Sách - TBTH Hà Tây: 46,34% số cổ phần.

Năm 2018, Công ty CP Sách - TBTH Hà Tây có:

- + Doanh thu : 110 tỷ đồng
- + Lợi nhuận : 4.4 tỷ đồng
- + Cổ tức : 10%

- Góp vốn xây dựng Trung tâm In - Phát hành tại Đông Anh gồm 5.5 tỷ đã hoàn thành thủ tục nhưng các đơn vị góp vốn chưa có phương án khai thác.

- Góp vốn vào Công ty CP Đầu tư Tài chính Giáo dục: 10.5 tỷ. Năm 2018, Công ty tiếp tục gặp nhiều khó khăn trong sản xuất - kinh doanh và công tác quản trị. Hội đồng Quản trị đã thông qua Nghị quyết thoái vốn, hiện đang lên phương án triển khai.

- Góp vốn vào Công ty CP Xuất bản - Thiết bị giáo dục Việt Nam: 6 tỷ (5,52% vốn điều lệ). Công ty có nhiệm vụ triển khai xuất bản Bộ Sách giáo khoa mới theo tinh thần Nghị quyết 88 của Quốc hội. Năm 2018 vì không có sản phẩm và doanh thu nên không chia được cổ tức.

### Các chỉ tiêu kinh tế:

ST T	Chỉ tiêu	Kế hoạch 2018 (tỷ đồng)	Thực hiện (Công ty mẹ) 2018 (đồng)	Thực hiện (hợp nhất) 2018 (đồng)	TL % TH (Công ty mẹ) so với KH	TL % TH (Công ty mẹ) so với CK
1	Tổng doanh thu	480	588.221.431.653	599.102.725.512	122,5	103,4
2	Lợi nhuận trước thuế	44	47.577.862.102	52.786.473.295	108,2	107,2
3	Lợi nhuận sau thuế		37.397.199.181	40.94.0391.996		105,3
4	Cổ tức	13%	13%		100	100
5	Lãi cơ bản trên cổ phiếu			2.355		
6	Duy trì đảm bảo các nguồn tích lũy bổ sung cho Quỹ đầu tư phát triển sản xuất, Quỹ dự phòng, v.v....					

### III.3 Tình hình tài chính

#### III.3.1. Tình hình tài sản

Phân tích tình hình tài sản, biến động tình hình tài sản (phân tích, đánh giá hiệu quả sử dụng tài sản, nợ phải thu xấu, tài sản xấu ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh).

Tổng tài sản trong năm 2018 của Công ty tăng 1,04% so với 2017. Các khoản phải thu trong năm là 88.451 triệu đồng giảm 1.893 triệu đồng (tương ứng 2,1%) đây là con số khả quan và không mang tính ảnh hưởng xấu bởi thực tế Doanh thu trong năm 2018 tăng 3,8% so với năm 2017. Trong năm 2018 vẫn còn một số khoản nợ phải thu quá hạn nhưng chưa tính là nợ phải thu xấu, vì các đối tác nợ này vẫn còn khả năng thanh toán cao, đồng thời công ty cũng đã có biện pháp trích dự phòng an toàn cho các khoản nợ quá hạn, việc trích dự phòng này làm ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh trong năm là 14.230 triệu đồng.

### III.3.2. Tình hình nợ phải trả

Tình hình nợ hiện tại, biến động lớn về các khoản nợ.

Phân tích nợ phải trả xấu, ảnh hưởng chênh lệch của tỉ lệ giá hối đoái đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, ảnh hưởng chênh lệch lãi vay.

– Tình hình nợ hiện tại, có những biến động như sau :

+ Nợ ngắn hạn của Công ty thời điểm cuối năm 2018 là 182.116 triệu đồng tăng 2.104 triệu đồng (tương đương 1,17%) so với cùng kỳ năm 2017. Năm 2018, Công ty vẫn duy trì các khoản đầu tư tại một số đơn vị công ty liên kết và công ty con, tuy cơ cấu sản xuất cũng tăng so với 2017 nhưng khoản vay phục vụ sản xuất kinh doanh giảm. Đồng thời chi phí lãi vay không tăng do Công ty vẫn có nguồn vay ưu đãi lớn dẫn đến có hiệu quả tăng trong hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2018.

+ Nợ dài hạn của Công ty thời điểm cuối năm 2018 là 1.785 triệu đồng tăng gần 191 triệu đồng (tương đương 12%) so với cùng kỳ năm 2017.

### III.4. Kế hoạch sản xuất – kinh doanh năm 2018

STT	CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ	KẾ HOẠCH 2019	TL% SO VỚI NĂM 2018
<b>I</b>	<b>Sản lượng:</b>			
1	Tạo nguồn sản phẩm	Đề tài	950	111,8
2	Phát hành sản phẩm ( <i>sách hỗ trợ, sách ngoại ngữ, sách tham khảo, sách mô hình trường học mới</i> )	triệu bản	41,3	104,2
3	Công suất khai thác Tòa nhà HEID	%	100	100
<b>II</b>	<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	Tỷ đồng	510	106,3
<b>III</b>	<b>Lợi nhuận</b>	Tỷ đồng	45,1	102,5
<b>IV</b>	<b>Cổ tức</b>	%	13	100

**III.5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán (nếu có) - (Trường hợp ý kiến kiểm toán không phải là ý kiến chấp thuận toàn phần).**

**III.6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty**

III.6.1. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải...).



III.6.2. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động

III.6.3. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương

## **IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY**

### **IV.1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội.**

Năm 2018 là năm có nhiều biến động ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất – kinh doanh, tuy nhiên Công ty vẫn nỗ lực cố gắng để đạt và vượt mức các chỉ tiêu mà Đại hội đồng cổ đông thường niên 2018 đã thông qua. Cụ thể:

- Doanh thu (hợp nhất) 599,1 tỉ đồng, đạt 103,8% so với năm 2017.
- Doanh thu (Công ty mẹ) 588,2 tỉ đồng, đạt 122,6% kế hoạch năm 2018, đạt 103,4% so với năm 2017.
- Lợi nhuận trước thuế (hợp nhất) 52,8 tỉ đồng, đạt 112,8% so với năm 2017.
- Lợi nhuận trước thuế (Công ty mẹ) 47,6 tỉ đồng, đạt 108% kế hoạch năm 2018, đạt 107,2% so với năm 2017.
- Lãi cơ bản trên cổ phiếu (hợp nhất) 2.355 đồng, đạt 114,3% so với năm 2017.
- Cổ tức 13%, đạt 100% so với kế hoạch, đạt 100% so với năm 2017.

### **IV.2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty**

HĐQT đánh giá cao sự nỗ lực không ngừng nghỉ, tính sáng tạo trong quản lí, dám nghĩ, dám làm, mạnh dạn khai thác, đầu tư vào những dòng sản phẩm mới mang lại hiệu quả cao, nhạy bén trong kinh doanh của Tổng Giám đốc và Ban Điều hành, đã đưa Công ty hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch mà Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị giao cho trong bối cảnh có nhiều biến động ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất – kinh doanh.

Trong quá trình hoạt động, Ban Điều hành đã luôn tuân thủ các quy định của Pháp luật, Điều lệ Công ty, Quy chế Quản trị Công ty, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Nghị quyết HĐQT, quy định của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam đối với các đơn vị thành viên.

### **IV.3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị**

- Ổn định cơ cấu, bộ máy quản lí. Tập trung nguồn lực về tài chính, tiếp tục tăng cường nhân sự có trình độ chuyên môn cao, xây dựng đội ngũ tác giả, chuyên gia, cộng tác viên có kinh nghiệm để tổ chức để thực hiện thành công bộ sách giáo khoa mới và phát triển các dòng sản phẩm mới đón đầu chủ trương của Nhà nước “Một chương trình, nhiều bộ sách giáo khoa”. Hoàn thành bộ sách giáo khoa mới (sách giấy, sách điện tử, thiết bị dạy học) trong 3 năm từ năm 2019 đến năm 2021.

- Năm 2019 mặc dù phải đầu tư, chi phí nhiều nhưng vẫn gắng giữ vững chỉ tiêu lợi nhuận, cổ tức như năm 2018.

- Doanh thu, lợi nhuận đạt được phải đảm bảo lợi ích của người lao động, chi trả cổ tức cho cổ đông và có nguồn tích lũy để tái cơ cấu mở rộng cho những năm tiếp theo. Tiếp tục đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lí, điều hành, sản xuất –

kinh doanh để nâng cao hiệu quả lao động, tạo ra các dòng sản phẩm mới được tích hợp với học liệu điện tử có khả năng cạnh tranh cao, chống in lậu.

- Cần chú trọng đến việc xây dựng hình ảnh và thương hiệu, giữ gìn môi trường, thực hiện trách nhiệm xã hội.

- Tiếp tục cải tiến chế độ trả lương, trả thưởng đối với người lao động cho phù hợp với cơ chế thị trường, gắn quyền lợi với năng suất lao động.

- Đảm bảo đời sống vật chất, tinh thần ổn định và phát triển cho người lao động.

## V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

### V.1. Hội đồng quản trị

V.1.1. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị: (danh sách thành viên Hội đồng quản trị, tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành, nêu rõ thành viên độc lập và các thành viên khác; số lượng chức danh thành viên hội đồng quản trị do từng thành viên Hội đồng quản trị của công ty nắm giữ tại các công ty khác.

STT	Họ Tên	Chức danh	Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết	Chức danh tại Công ty khác
1	Phạm Văn Thăng	Chủ tịch HĐQT (Thành viên độc lập)	0%	Chánh văn phòng Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
2	Vũ Bá Khánh	Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	0,2%	Chủ tịch Công ty Sách – Thiết bị trường học Hà Tây
3	Đỗ Thị Phương	Ủy viên HĐQT (Thành viên độc lập)	0%	Phó Giám đốc Nhà xuất bản Giáo dục tại Hà Nội
4	Trần Thị Như Hà	Ủy viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	0,22%	Giám đốc Công ty TNHH MTV Hồng Hà – Thành Công
5	Dương Thị Việt Hà	Ủy viên HĐQT kiêm Kế toán trưởng	0,15%	Ủy viên HĐQT Công ty CP Đầu tư Tài chính Giáo dục

**V.1.2. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị:** Không có

**V.1.3. Hoạt động của Hội đồng quản trị:** đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp Hội đồng quản trị, nội dung và kết quả của các cuộc họp.

Trong năm 2018, đã tổ chức 7 cuộc họp định kỳ hằng quý và bất thường để triển khai kịp thời những chỉ đạo của HĐQT. Các nghị quyết của HĐQT ban hành đều được sự thống nhất và đồng thuận cao của các thành viên.

**Nội dung các cuộc họp :**

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
1	01- 2018/NQ- HĐQT	17/01/2018	Thông qua đơn giá tiền lương của năm 2017 dựa trên lợi nhuận trước thuế.
2	02- 2018/NQ- HĐQT	29/01/2018	Tạm ứng cổ tức năm 2017 bằng tiền mặt. Thông qua thời gian, địa điểm tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018.
3	03- 2018/NQ- HĐQT	19/03/2018	Thông qua các văn bản, giấy tờ, nội dung công việc để chuẩn bị cho việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018.
4	04- 2018/NQ- HĐQT	09/04/2018	Thông qua các nội dung công việc sau đây: <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Kết quả hoạt động sản xuất – Kinh doanh Quý I năm 2018</li> <li>2. Tiến độ và kế hoạch làm bộ sách giáo khoa mới.</li> <li>3. Công tác chuẩn bị cho Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018.</li> <li>4. Công tác nhân sự.</li> </ol>
5	06- 2018/NQ- HĐQT	26/04/2018	Thông qua việc bầu ông Phạm Văn Thắng giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội nhiệm kỳ 2018 - 2022 kể từ ngày 26/04/2018.
6	07/NQ- HĐQT	03/8/2018	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Thông qua kết quả thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch 7 tháng đầu năm 2018.</li> <li>2. Thông qua báo cáo tiến độ làm bộ sách giáo khoa mới.</li> <li>3. Thực hiện chỉ đạo của Chủ tịch Hội đồng thành viên Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam tại văn số 959/NXBGDVN-TCNS về việc tiếp tục kí hợp đồng lao động.</li> <li>4. Đề nghị Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam chỉ đạo nhóm Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục 3 miền cử người đại diện tham gia ứng cử vào Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Giáo dục nhiệm kỳ 2018 – 2023.</li> <li>5. Tiếp tục thực hiện kế hoạch bán cổ phần của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội tại Công ty Cổ phần Đầu tư và Xuất bản Sách – Thiết bị trường học Việt Nam.</li> <li>6. Thông qua chủ trương chuyển nhượng khu đất do Công ty Cổ</li> </ol>

			phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội góp vốn để thực hiện Dự án xây dựng mở rộng mặt bằng sản xuất tại Công ty Cổ phần In Sách giáo khoa tại thành phố Hà Nội trên nguyên tắc bảo toàn vốn đã đầu tư. Giao cho Tổng Giám đốc Công ty thực hiện.
7	08/NQ-HĐQT	24/12/2018	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Thông qua kết quả thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh năm 2018.</li> <li>2. Thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019.</li> <li>3. Thông qua kế hoạch xuất bản bộ sách giáo khoa mới “Cùng học để phát triển năng lực”.</li> <li>4. Thông qua các giải pháp chủ yếu để thực hiện kế hoạch năm 2019.</li> <li>5. Thông qua các nội dung khác (về tiền lương và nhân sự).</li> </ol>

### **Đánh giá chung về hoạt động của HĐQT**

Nhìn chung, các thành viên của HĐQT đều là những người có bề dày kinh nghiệm, mạng lưới quan hệ rộng rãi và uy tín cao trong ngành giáo dục.

Trong năm 2018, HĐQT luôn chú trọng thực hiện chức năng, nhiệm vụ của mình theo đúng quy định của Luật Doanh nghiệp hiện hành, Điều lệ của Công ty và Quy chế Quản trị Công ty. Hội đồng quản trị đã hoạt động tích cực, duy trì và phát huy việc giám sát chặt chẽ đối với hoạt động của Ban Điều hành nhằm đảm bảo thực hiện đúng nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2018 cùng các mục tiêu chiến lược và kế hoạch đã đặt ra. HĐQT kịp thời chỉ đạo và hỗ trợ Tổng Giám đốc, Ban Điều hành trong công tác triển khai thực hiện các chỉ tiêu sản xuất – kinh doanh của Công ty: HĐQT đã tổ chức 7 cuộc họp định kỳ và bất thường để thông qua các công việc thuộc thẩm quyền phê duyệt của HĐQT và giải quyết, xử lý kịp thời các vấn đề phát sinh cần giải quyết ngay. HĐQT luôn cử đại diện tham dự các cuộc họp tổng kết quý và tổng kết năm để đưa ra các chỉ đạo và định hướng cho Công ty.

Ngoài ra, HĐQT còn phối hợp chặt chẽ với Ban Kiểm soát giám sát Tổng Giám đốc và Ban điều hành trong việc điều hành sản xuất – kinh doanh và tài chính doanh nghiệp.

V.1.4. Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập. Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị:

V.1.5. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm.

### **V.2. Ban Kiểm soát**

**V.2.1. Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:** (danh sách thành viên Ban kiểm soát, tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành.

<b>STT</b>	<b>Họ Tên</b>	<b>Chức danh</b>	<b>Tỉ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết</b>
1	Nguyễn Thúy Hạnh	Trưởng Ban Kiểm soát	0,078%
2	Nguyễn Thị Kim Anh	Ủy viên Ban Kiểm soát	%
3	Phan Đức Minh	Ủy viên Ban Kiểm soát	%

### **V.2.2. Hoạt động của Ban kiểm soát:**

#### **Thành viên ban kiểm soát và các hoạt động:**

Ban kiểm soát (BKS) gồm 03 thành viên hoạt động kiêm nhiệm:

- + Bà Nguyễn Thúy Hạnh – Trưởng ban
- + Bà Nguyễn Thị Kim Anh – Kiểm soát viên
- + Ông Phan Đức Minh – Kiểm soát viên

Giữa 2 kì đại hội cổ đông 2018 - 2019, BKS đã tiến hành các hoạt động :

- + Tổ chức họp định kỳ và đột xuất
- + Tham dự các cuộc họp định kỳ của Hội đồng quản trị khi được mời
- + Tham dự các cuộc họp sơ kết 6 tháng , 9 tháng và tổng kết năm 2018
- + Tham gia kiểm kê tài sản, kiểm kê quỹ tiền mặt hàng tháng
- + Xem xét các Báo cáo tài chính định kì hàng quý, các báo cáo tổng hợp hàng quý về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
- + Xem xét các thư trao đổi, báo cáo của đơn vị kiểm toán.
- +Thẩm định báo cáo tài chính năm 2018
- + Giám sát việc tuân thủ các quy định về công bố thông tin của Công ty theo các quy định của pháp luật
- + Các hoạt động khác trong phạm vi trách nhiệm và quyền hạn của Ban kiểm soát

## **Tổng kết các cuộc họp của Ban kiểm soát**

Giữa 2 kì đại hội cổ đông 2018 - 2019, Ban kiểm soát đã tiến hành họp 02 lần:

+ Lần 1 ngày 10/08/2018: Xem xét BCTC 6 tháng năm 2018 và các vấn đề liên quan.

+ Lần 2 ngày 5/4/2018: Trao đổi, xem xét các ý kiến của kiểm toán độc lập và thẩm định BCTC năm 2018, thống nhất thông qua Báo cáo của Ban kiểm soát trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2019.

Ngoài ra, trong năm các thành viên Ban Kiểm soát luôn có sự trao đổi ý kiến thường xuyên về các hoạt động của Công ty nhằm đảm bảo Ban Kiểm soát hoàn thành tốt nhiệm vụ của mình.

## **V.3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát**

V.3.1. Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

<b>Mức thù lao</b>	<b>Thù lao năm 2018 (đồng/tháng)</b>
Chủ tịch, Phó Chủ tịch HĐQT	5.000.000
Thành viên HĐQT chuyên trách	4.000.000
Trưởng BKS	2.000.000
Thành viên BKS	1.000.000
Thư ký HĐQT	2.000.000

**V.3.2. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:** Không có

**V.3.3. Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ:**

- Hợp đồng với Nhà xuất bản Giáo dục Hà Nội:
  - Hợp đồng số 04/NXBGDVN/HĐTHXB Về việc Thu phí quản lí xuất bản.
  - Hợp đồng số 21/HĐKT-2018, số 37/HĐKT – 2018, số 23/HĐKT – 2018 về việc thuê cơ sở vật chất
- Hợp đồng với Công ty TNHH 1 TV Hồng Hà Thành Công: Hợp đồng số 03-1/2013/HĐ/HHTC-HEID ngày 03/01/2013 về việc: Thuê mặt bằng tầng 4 và tầng 5 tại Tòa nhà văn phòng HEID – Ngõ 6A – Phố Thành Công – Phường Thành Công – Ba Đình – Hà Nội.

**V.3.4. Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:** (Nêu rõ những nội dung chưa thực hiện được theo quy định pháp luật về quản trị công ty. Nguyên nhân, giải pháp và kế hoạch khắc phục/kế hoạch tăng cường hiệu quả trong hoạt động quản trị công ty.

Đã hoạt động đúng pháp luật và các quy định về quản trị của Công ty.

## **VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

### **V.1. Ý kiến kiểm toán**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội được lập ngày 25/03/2019, từ trang 06 đến trang 43, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

#### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

#### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

## Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội tại ngày 31/12/2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

## Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC

### V.2. Báo cáo tài chính được kiểm toán

#### BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2018	01/01/2018
			VND	VND
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>340.056.009.956</b>	<b>306.785.877.513</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>3</b>	<b>53.846.818.651</b>	<b>41.028.367.616</b>
111	1. Tiền		13.846.818.651	11.028.367.616
112	2. Các khoản tương đương tiền		40.000.000.000	30.000.000.000
<b>120</b>	<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>4</b>	<b>15.120.950</b>	<b>17.509.750</b>
121	1. Chứng khoán kinh doanh		118.776.400	118.776.400
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh		(103.655.450)	(101.266.650)
<b>130</b>	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>88.195.899.680</b>	<b>89.718.295.737</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	58.928.986.112	68.171.754.337
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	36.693.825.516	24.559.082.145
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	6.803.870.017	1.552.106.608
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(14.230.781.965)	(4.564.647.353)
<b>140</b>	<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>9</b>	<b>176.493.240.286</b>	<b>164.424.813.281</b>
141	1. Hàng tồn kho		179.324.617.170	168.916.651.036
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(2.831.376.884)	(4.491.837.755)
<b>150</b>	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>21.504.930.389</b>	<b>11.596.891.129</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	10	20.697.634.970	10.874.871.200
153	2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	16	807.295.419	722.019.929



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018  
(tiếp theo)

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>106.056.964.528</b>	<b>121.173.180.706</b>
<b>210</b>	<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>		<b>255.800.000</b>	<b>625.800.000</b>
216	1. Phải thu dài hạn khác	7	255.800.000	625.800.000
<b>220</b>	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>4.000.987.781</b>	<b>6.403.631.541</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	4.000.987.781	6.403.631.541
222	- Nguyên giá		12.024.314.134	11.451.314.134
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(8.023.326.353)	(5.047.682.593)
<b>230</b>	<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>12</b>	<b>63.688.687.718</b>	<b>67.178.478.818</b>
231	- Nguyên giá		87.244.777.643	87.244.777.643
232	- Giá trị hao mòn lũy kế		(23.556.089.925)	(20.066.298.825)
<b>240</b>	<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>		<b>300.000.000</b>	<b>6.083.658.818</b>
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	13	300.000.000	6.083.658.818
<b>250</b>	<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>4</b>	<b>28.019.971.047</b>	<b>27.173.270.744</b>
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		15.556.871.047	15.184.180.744
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		17.581.750.000	17.581.750.000
254	3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(6.118.650.000)	(6.592.660.000)
255	4. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		1.000.000.000	1.000.000.000
<b>260</b>	<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>9.791.517.982</b>	<b>13.708.340.785</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	10	1.604.585.346	3.002.351.953
269	2. Lợi thế thương mại	14	8.186.932.636	10.705.988.832
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>446.112.974.484</b>	<b>427.959.058.219</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2018	01/01/2018
			VND	VND
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>183.901.699.272</b>	<b>181.606.287.287</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>182.116.333.472</b>	<b>180.011.948.487</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	15	34.133.697.620	35.447.012.025
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		146.834.304	348.487.832
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	2.114.996.315	2.601.734.979
314	4. Phải trả người lao động		13.700.827.965	10.127.796.685
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	17	48.195.314.344	39.063.587.499
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	18	432.751.205	242.228.908
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	19	76.578.107.039	85.828.216.851
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		6.813.804.680	6.352.883.708
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>1.785.365.800</b>	<b>1.594.338.800</b>
337	1. Phải trả dài hạn khác	18	1.785.365.800	1.594.338.800
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>262.211.275.212</b>	<b>246.352.770.932</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>20</b>	<b>262.211.275.212</b>	<b>246.352.770.932</b>
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		150.000.000.000	150.000.000.000
411a	<i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>		<i>150.000.000.000</i>	<i>150.000.000.000</i>
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		1.934.655.948	1.934.655.948
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		60.924.766.958	51.824.750.747
420	4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		17.239.379.502	15.369.519.543
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		31.658.042.100	26.776.476.873
421a	<i>LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước</i>		<i>1.936.810.741</i>	<i>593.159.191</i>
421b	<i>LNST chưa phân phối năm nay</i>		<i>29.721.231.359</i>	<i>26.183.317.682</i>
429	6. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		454.430.704	447.367.821
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>446.112.974.484</b>	<b>427.959.058.219</b>

---

Lương Ngọc Bích  
Người lập biểu

---

Nguyễn Thanh Bình  
Kế toán trưởng

---

Vũ Bá Khánh  
Tổng Giám đốc  
Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm  
2019

# BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm 2018

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2018	Năm 2017
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	22	617.412.526.826	590.721.685.377
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	23	18.309.801.314	13.660.054.316
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		599.102.725.512	577.061.631.061
11	4. Giá vốn hàng bán	24	435.694.873.178	417.562.592.317
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		163.407.852.334	159.499.038.744
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	25	2.916.794.774	1.540.789.833
22	7. Chi phí tài chính	26	4.070.916.727	12.371.904.243
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		4.537.194.404	5.731.393.047
24	8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết		372.690.303	323.618.720
25	9. Chi phí bán hàng	27	63.496.417.376	62.403.811.765
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	28	45.523.832.635	37.316.852.965
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		53.606.170.673	49.270.878.324
31	12. Thu nhập khác	29	414.732.276	2.114.760.763
32	13. Chi phí khác	30	1.234.429.654	4.562.807.988
40	14. Lợi nhuận khác		(819.697.378)	(2.448.047.225)
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		52.786.473.295	46.822.831.099
51	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	31	11.839.019.299	10.600.303.960
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		40.947.453.996	36.222.527.139
61	18. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ		40.940.391.113	36.222.527.139
62	19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát		7.062.883	-
70	20. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	32	2.355	2.060

Lương Ngọc Bích  
Người lập biểu

Nguyễn Thanh Bình  
Kế toán trưởng

Vũ Bá Khánh  
Tổng Giám đốc  
Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2019

# BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Năm 2018

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2018	Năm 2017
			VND	VND
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
01	<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>		<b>52.786.473.295</b>	<b>46.822.831.099</b>
	<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>		<b>17.780.310.482</b>	<b>11.560.195.128</b>
02	- Khấu hao tài sản cố định và Bất động sản đầu tư		8.984.491.056	8.309.958.974
03	- Các khoản dự phòng		7.534.052.541	(371.188.536)
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(3.275.427.519)	(2.109.968.357)
06	- Chi phí lãi vay		4.537.194.404	5.731.393.047
08	<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>		<b>70.566.783.777</b>	<b>58.383.026.227</b>
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(2.111.907.799)	(12.887.173.404)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(10.407.966.134)	(10.295.094.647)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		10.736.045.254	23.529.583.690
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(8.424.997.163)	968.057.470
14	- Tiền lãi vay đã trả		(4.541.646.024)	(5.766.422.642)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(11.275.743.486)	(10.487.200.580)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		15.000.000	110.000.000
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(5.163.658.905)	(4.501.628.785)
20	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>39.391.909.520</b>	<b>39.053.147.329</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác		(663.447.000)	(1.889.844.636)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		-	304.545.454
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		-	(1.000.000.000)
26	4. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	6.000.000.000
27	5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		2.840.098.327	1.541.179.183
30	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>		<b>2.176.651.327</b>	<b>4.955.880.001</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	319.000.000
33	2. Tiền thu từ đi vay		359.636.489.019	332.409.527.768
34	3. Tiền trả nợ gốc vay		(368.886.598.831)	(365.676.340.683)
36	4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(19.500.000.000)	(18.063.000.000)
40	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>		<b>(28.750.109.812)</b>	<b>(51.010.812.915)</b>

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Năm 2018  
(Theo phương pháp gián tiếp)  
(tiếp theo)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2018	Năm 2017
			VND	VND
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		12.818.451.035	(7.001.785.585)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		41.028.367.616	48.030.153.201
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	<u>53.846.818.651</u>	<u>41.028.367.616</u>

---

Lương Ngọc Bích  
Người lập biểu

---

Nguyễn Thanh Bình  
Kế toán trưởng

---

Vũ Bá Khánh  
Tổng Giám đốc  
Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm  
2019

# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2018

## ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội được thành lập theo Quyết định số 310/QĐ-TCNS ngày 23/03/2007 của Chủ tịch Hội đồng Quản trị Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam. Công ty hoạt động theo Giấy đăng ký doanh nghiệp số 0102222393 (thay đổi lần 03) ngày 20/09/2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Trụ sở chính của Công ty tại: Tòa nhà HEID, ngõ 12 Láng Hạ, phường Thành Công, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty là 150.000.000.000 VND, tương đương 15.000.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Lĩnh vực kinh doanh: Kinh doanh, phát hành sách và thiết bị giáo dục.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty trong năm là:

Phát hành xuất bản phẩm;

Phát hành sách hỗ trợ sách giáo khoa, sách tham khảo chất lượng cao, các sản phẩm giáo dục theo hướng đổi mới phương pháp dạy học, tự học và các loại sản phẩm giáo dục khác;

Kinh doanh các sản phẩm thiết bị giáo dục, thiết bị văn phòng, các phần mềm giáo dục, văn phòng phẩm, vở học sinh, quần áo, đồng phục cho học sinh và lịch các loại;

Thiết kế mỹ thuật, chế bản, tạo mẫu in (không bao gồm dịch vụ thiết kế công trình);

Dịch vụ dịch thuật, phiên dịch, biên dịch và mua bán bản quyền tác giả;

Tư vấn và cung cấp dịch vụ biên soạn, thiết kế nội dung chương trình dạy học, phòng học chuyên dùng và phương tiện dạy học;

Đại lý mua, đại lý bán, ký gửi hàng hóa.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hợp nhất

Công ty chủ yếu hoạt động trong lĩnh vực: Kinh doanh, phát hành sách và thiết bị giáo dục. Đặc thù ngành nghề kinh doanh này là mang tính thời vụ, các loại sách giáo khoa, sách hỗ trợ sách giáo khoa và sách tham khảo chủ yếu được phát hành và phân phối trong giai đoạn quý II và quý III hàng năm (là giai đoạn chuẩn bị cho năm học mới).

Cuối năm 2017, công việc đấu thầu lựa chọn nhà in diễn ra chậm hơn khoảng 01 tháng so với các năm trước, nên Công ty xuất bán vật tư là giấy cho các nhà in theo các hợp đồng in trọn gói được thực hiện chủ yếu vào đầu năm 2018. Do đó, doanh thu bán vật tư năm nay tăng mạnh so với năm trước.

Cấu trúc tập đoàn

Công ty có các công ty con được hợp nhất báo cáo tài chính tại thời điểm 31/12/2018 bao gồm:

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty TNHH MTV Hồng Hà Thành Công	Hà Nội	100%	100%	Kinh doanh Bất động sản
Công ty Cổ phần Sách dịch và Từ điển Giáo dục	Hà Nội	89,00%	89,00%	Dịch thuật, biên soạn và kinh doanh thiết bị giáo dục

## CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

### 2.1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

### 2.2. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

*Chế độ kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều

của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC hướng dẫn Phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

#### *Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán*

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng Chuẩn mực, Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

### 2.3. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính riêng của Công ty và Báo cáo tài chính của các công ty con do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Báo cáo tài chính của các công ty con được áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty. Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để đảm bảo tính nhất quán trong các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các Công ty con.

Các số dư, thu nhập và chi phí chủ yếu, kể cả các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

### 2.4. Công cụ tài chính

#### *Ghi nhận ban đầu*

##### Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

##### Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

#### *Giá trị sau ghi nhận ban đầu*

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

### 2.5. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

### 2.6. Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần của bên bị mua, phần chênh lệch đó sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định giá trị bằng nguyên giá trừ đi giá trị phân bổ lũy kế. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính là 10 năm. Định kỳ Công ty mẹ phải đánh giá tổn thất lợi thế thương mại tại công ty con, nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất ngay trong năm phát sinh.

### 2.7. Các khoản đầu tư tài chính

*Chứng khoán kinh doanh* được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc, bao gồm: Giá mua cộng các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán kinh

doanh. Khi thanh lý hoặc nhượng bán, giá vốn của chứng khoán kinh doanh được xác định theo phương pháp phương pháp bình quân gia quyền.

*Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn* là trái phiếu của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Trong Báo cáo tài chính hợp nhất, các khoản đầu tư vào công ty liên kết được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư. Tập đoàn không phân bổ lợi thế thương mại này mà hàng năm thực hiện đánh giá xem lợi thế thương mại có bị suy giảm giá trị hay không.

Phần sở hữu của nhà đầu tư trong lợi nhuận (lỗ) của công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và phần sở hữu của nhà đầu tư trong thay đổi sau khi mua của các quỹ của công ty liên kết được ghi nhận vào các quỹ. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên kết. Cổ tức nhận được từ công ty liên kết được căn trừ vào khoản đầu tư vào công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ với báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Tập đoàn. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để đảm bảo các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Tập đoàn trong trường hợp cần thiết.

*Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác* bao gồm: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

Đối với các khoản đầu tư chứng khoán kinh doanh: căn cứ trích lập dự phòng là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư;

Đối với khoản đầu tư là trái phiếu nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

## 2.8. Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được Công ty căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

## 2.9. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối năm đối với hoạt động kinh doanh sách: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được xác định theo giá trị nguyên vật liệu đã xuất và đang còn tồn tại các đơn vị nhận gia công.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.



## 2.10. Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- |                       |             |
|-----------------------|-------------|
| - Phương tiện vận tải | 03 - 10 năm |
| - Thiết bị văn phòng  | 03 - 05 năm |

## 2.11. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình cho thuê hoạt động, bất động sản đầu tư được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Bất động sản đầu tư cho thuê hoạt động được trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- |                          |             |
|--------------------------|-------------|
| - Nhà cửa, vật kiến trúc | 12 - 25 năm |
|--------------------------|-------------|

Bất động sản đầu tư không còn được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã bán hoặc sau khi bất động sản đầu tư đã không còn được sử dụng và xét thấy không thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc thanh lý bất động sản đầu tư đó. Chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của bất động sản đầu tư được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ thanh lý.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như trường hợp chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

## 2.12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê hoặc quản trị, hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác, được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí tập hợp được ghi nhận phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Khấu hao của những tài sản này, cũng giống như các loại tài sản cố định khác, sẽ bắt đầu được trích khi tài sản đã sẵn sàng cho mục đích sử dụng.

## 2.13. Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

## 2.14. Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BBC)

Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC) là thỏa thuận bằng hợp đồng của hai hoặc nhiều bên để cùng thực hiện hoạt động kinh tế nhưng không hình thành pháp nhân độc lập. Hoạt động này có thể được đồng kiểm soát bởi các bên góp vốn theo thỏa thuận liên doanh hoặc kiểm soát bởi một trong số các bên tham gia.

Khi đưa tiền, tài sản đi đóng góp cho hoạt động hợp tác kinh doanh (BCC) được ghi nhận là nợ phải thu. Khi tài sản đồng kiểm soát đi vào hoạt động, BCC chuyển sang hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát, mỗi bên tham gia liên doanh được nhận sản phẩm hoặc doanh thu từ việc sử dụng và khai thác tài sản đồng kiểm soát và chịu một phần chi phí phát sinh theo thỏa thuận trong hợp đồng.

## 2.15. Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

Thuế GTGT đầu vào được khấu trừ và không được khấu trừ được hạch toán riêng; trường hợp không hạch toán

riêng được thì thuế đầu vào được khấu trừ tính theo tỷ lệ (%) giữa doanh thu chịu thuế GTGT, doanh thu không phải kê khai, tính nộp thuế GTGT so với tổng doanh thu của hàng hóa, dịch vụ bán ra bao gồm cả doanh thu không phải kê khai, tính nộp thuế không hạch toán riêng được. Đối với thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ, Công ty thực hiện phân bổ vào giá vốn hàng bán theo tỷ lệ giữa giá vốn hàng bán so với giá vốn hàng bán cộng với giá thành của hàng tồn kho.

#### 2.16. Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

#### 2.17. Vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay.

#### 2.18. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

#### 2.19. Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

#### 2.20. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Vốn khác thuộc Vốn chủ sở hữu phản ánh số vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ thưởng ban quản lý điều hành Công ty: Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán riêng.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất của Công ty sau

khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

## 2.21. Doanh thu

### *Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;  
Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;  
Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;  
Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;  
Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;  
Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;  
Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;  
Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.  
Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

### *Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;  
Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

### *Doanh thu cho thuê hoạt động*

Doanh thu cho thuê hoạt động là doanh thu cho thuê tại tòa nhà K3B Thành Công tại địa chỉ K3B Ngõ 6A, phường Thành Công, quận Ba Đình, Hà Nội, được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn cho thuê theo quy định của hợp đồng thuê.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

## 2.22. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ gồm chiết khấu thương mại và hàng bán bị trả lại.

Các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì Công ty ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất thì Công ty ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của kỳ lập báo cáo (kỳ trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất thì Công ty ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

## 2.23. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

## 2.24. Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;

Chi phí đi vay vốn;

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác,...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

## 2.25. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

### *Chi phí thuế TNDN hiện hành*

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

### *Thuế suất thuế TNDN hiện hành*

Công ty hiện đang áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018.

## 2.26. Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

## 2.27. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;

Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;

Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

## 2.28. Thông tin bộ phận

Một bộ phận là một cấu phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty nhằm mục đích để giúp người sử dụng báo cáo tài chính hiểu rõ và đánh giá được tình hình hoạt động của Công ty một cách toàn diện.

## 3. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Tiền mặt	665.490.874	754.358.545
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	13.181.327.777	10.274.009.071
Các khoản tương đương tiền <sup>(i)</sup>	40.000.000.000	30.000.000.000
	<b>53.846.818.651</b>	<b>41.028.367.616</b>

<sup>(i)</sup> Tại ngày 31/12/2018, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn từ 1 đến 3 tháng, giá trị 40.000.000.000 VND được gửi tại Ngân hàng Công thương Việt Nam với lãi suất 5,5%/năm.

#### 4. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

##### a) Chứng khoán kinh doanh

Mã chứng khoán	31/12/2018			01/01/2018			
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	
Cổ phiếu chưa niêm yết <sup>(i)</sup>	97.000.000	10.391.000	(86.609.000)	97.000.000	10.438.000	(86.562.000)	
- Công ty Cổ phần Sông Đà - Thăng Long	STL	74.600.000	1.455.000	(73.145.000)	74.600.000	1.350.000	(73.250.000)
- Công ty Cổ phần Hồng Hà Việt Nam	PHH	22.400.000	8.936.000	(13.464.000)	22.400.000	9.088.000	(13.312.000)
Cổ phiếu đã niêm yết <sup>(i)</sup>	21.776.400	4.729.950	(17.046.450)	21.776.400	7.071.750	(14.704.650)	
- Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn	LSS	21.500.000	4.698.750	(16.801.250)	21.500.000	7.043.750	(14.456.250)
- Công ty Cổ phần Xi măng và Xây dựng Quảng Ninh	QNC	276.400	31.200	(245.200)	276.400	28.000	(248.400)
	<b>118.776.400</b>	<b>15.120.950</b>	<b>(103.655.450)</b>	<b>118.776.400</b>	<b>17.509.750</b>	<b>(101.266.650)</b>	

<sup>(i)</sup> Giá trị hợp lý của các cổ phiếu chưa niêm yết đang giao dịch trên sàn giao dịch chứng khoán UPCOM được xác định theo giá bình quân của cổ phiếu trên hệ thống tại ngày 28/12/2018. Giá trị hợp lý của các cổ phiếu đã niêm yết được xác định theo giá đóng cửa của cổ phiếu tại ngày 28/12/2018 trên sàn giao dịch chứng khoán HNX và HOSE.

##### b) Đầu tư vào công ty liên kết

Địa chỉ	31/12/2018			01/01/2018			
	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ theo phương pháp vốn chủ sở hữu VND	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ theo phương pháp vốn chủ sở hữu VND	
Công ty Cổ phần Sách Thiết bị trường học Hà Tây	Hà Nội	46,34%	46,34%	15.556.871.047	46,34%	46,34%	15.184.180.744
			<b>15.556.871.047</b>			<b>15.184.180.744</b>	

#### 4. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

##### c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Mã chứng khoán	31/12/2018			01/01/2018		
		Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
		VND	VND	VND	VND	VND	VND
- Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội <sup>(ii)</sup>	EPH	1.212.500.000	1.212.500.000	-	1.212.500.000	1.212.500.000	-
- Công ty CP Đầu tư xuất bản sách - Thiết bị trường học Việt Nam <sup>(iii)</sup>		6.000.000.000		(552.000.000)	6.000.000.000		-
- Công ty CP Đầu tư Tài chính Giáo dục <sup>(iv)</sup>	EFI	10.369.250.000	4.802.600.000	(5.566.650.000)	10.369.250.000	3.776.590.000	(6.592.660.000)
		<b>17.581.750.000</b>	<b>6.015.100.000</b>	<b>(6.118.650.000)</b>	<b>17.581.750.000</b>	<b>4.989.090.000</b>	<b>(6.592.660.000)</b>

<sup>(ii)</sup> Giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội được xác định theo Báo cáo tài chính của bên được đầu tư.

<sup>(iii)</sup> Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

<sup>(iii)</sup> Giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào Công ty CP Đầu tư Tài chính Giáo dục được xác định theo giá giao dịch bình quân của cổ phiếu Công ty này trên sàn giao dịch chứng khoán UPCOM là 4.400 đồng/cổ phiếu tại ngày 28/12/2018.

##### Đầu tư vào đơn vị khác

Tên công ty nhận đầu tư	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội	Hà Nội	4,85%	4,85%	Tổ chức biên soạn, biên tập, dịch thuật, thiết kế, minh họa chế bản sách giáo khoa
Công ty Cổ phần Đầu tư xuất bản - Thiết bị Giáo dục Việt Nam	Hà Nội	5,52%	5,52%	Tổ chức xuất bản sách, thiết bị trường học
Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Giáo dục	Hà Nội	10,03%	10,03%	Quản lý, khai thác và kinh doanh BĐS; Đầu tư tài chính

#### 4. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

##### d) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
	VND	VND	VND	VND
Trái phiếu <sup>(v)</sup>	1.000.000.000	1.000.000.000	1.000.000.000	1.000.000.000
	<b>1.000.000.000</b>	<b>1.000.000.000</b>	<b>1.000.000.000</b>	<b>1.000.000.000</b>

<sup>(v)</sup> Đây là khoản đầu tư mua 100 trái phiếu của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam trong năm 2017 với mệnh giá trái phiếu là 10.000.000 VND/trái phiếu, kỳ hạn 10 năm với lãi suất thả nổi.

#### 5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<b>a) Chi tiết theo khách hàng có số dư lớn</b>				
- Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam	21.110.316.124	(10.554.186.562)	28.435.428.169	-
- Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học Hưng Yên	5.503.391.770	(307.035.060)	3.998.851.978	-
- Công ty CP sách và Thiết bị trường học Thanh Hóa	2.191.175.374	-	4.491.531.329	(610.620.052)
- Công ty CP sách và Thiết bị trường học Hải Dương	3.076.043.774	(286.876.920)	2.607.456.026	(376.964.557)
- Công ty CP sách và Thiết bị trường học Hà Giang	3.590.957.866	(1.795.478.933)	4.318.387.453	(2.110.991.732)
- Các khách hàng khác	23.457.101.204	(1.265.404.490)	24.320.099.382	(1.444.271.012)
	<b>58.928.986.112</b>	<b>(14.208.981.965)</b>	<b>68.171.754.337</b>	<b>(4.542.847.353)</b>
<b>b) Các bên liên quan</b>	<b>23.766.677.035</b>	<b>(10.554.186.562)</b>	<b>29.888.128.227</b>	<b>-</b>
(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh 38)				

#### 6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Công ty TNHH Dịch vụ sách Nam An	2.089.275.717	-	4.303.512.130	-
Nhà Máy in Bộ Tổng tham mưu	17.422.621.831	-	7.871.064.457	-
Công ty Cổ phần in Khoa học Công nghệ Hà Nội	1.314.547.021	-	2.552.285.821	-
Các nhà cung cấp khác	15.867.380.947	(21.800.000)	9.832.219.737	(21.800.000)
	<b>36.693.825.516</b>	<b>(21.800.000)</b>	<b>24.559.082.145</b>	<b>(21.800.000)</b>

## 7. PHẢI THU KHÁC

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>				
Phải thu lãi tiền gửi	62.638.889	-	-	-
Tạm ứng	586.946.310	-	452.583.500	-
Ký cược, ký quỹ	180.179.000	-	15.000.000	-
Phải thu khác	5.974.105.818	-	1.084.523.108	-
- Dự án Xây dựng mở rộng mặt bằng sản xuất tại xã Tiên Dương, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội <sup>(i)</sup>	5.874.105.818	-	-	-
- Các khoản phải thu khác	100.000.000	-	1.084.523.108	-
	<b>6.803.870.017</b>	<b>-</b>	<b>1.552.106.608</b>	<b>-</b>
<b>b) Dài hạn</b>				
Ký cược, ký quỹ	255.800.000	-	225.800.000	-
Phải thu khác	-	-	400.000.000	-
	<b>255.800.000</b>	<b>-</b>	<b>625.800.000</b>	<b>-</b>

<sup>(i)</sup> Đây là khoản vốn góp của Công ty để thực hiện Hợp đồng số 47/2010/HĐGV ngày 15/07/2010 giữa Công ty và các bên gồm: Công ty CP In Sách giáo khoa tại thành phố Hà Nội; Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Bắc; Công ty CP Sách Giáo dục tại thành phố Hà Nội để cùng thực hiện Dự án xin cấp đất mở rộng mặt bằng sản xuất (làm kho, xưởng sản xuất) theo hình thức tài sản đồng kiểm soát.

Ngày 22/06/2018 và ngày 09/08/2018, đại diện các bên góp vốn và chủ đầu tư (Công ty CP In Sách giáo khoa tại TP Hà Nội) đã họp và thống nhất chủ trương xử lý dự án, đảm bảo thu hồi vốn đầu tư trên nguyên tắc bảo toàn vốn. Đến nay, Công ty và các bên liên quan vẫn đang trong quá trình thực hiện các thủ tục cần thiết theo chủ trương nêu trên. Khoản góp vốn đã được Công ty phân loại sang theo dõi trên khoản mục Phải thu ngắn hạn khác (Xem thêm Thuyết minh số 13).



## 8. NỢ XẤU

Các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi:

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam <sup>(i)</sup>	21.108.373.124	10.554.186.562	-	-
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Hà Giang	3.590.957.866	1.795.478.933	4.318.387.453	2.207.395.721
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Hưng Yên	1.023.450.200	716.415.140	-	-
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Thanh Hóa	-	-	4.491.531.329	3.880.911.277
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Hải Dương	956.256.400	669.379.480	1.256.548.523	879.583.966
Các đối tượng nợ phải thu khác	2.176.257.016	889.052.526	3.201.677.457	1.735.606.445
	<b>28.855.294.606</b>	<b>14.624.512.641</b>	<b>13.268.144.762</b>	<b>8.703.497.409</b>

Giá trị có thể thu hồi nêu trên được xác định bằng giá gốc trừ đi phần dự phòng phải thu khó đòi đã trích lập cho các đối tượng phải thu này. Ban Tổng giám đốc Công ty đang thực hiện mọi biện pháp nhằm thu hồi toàn bộ các khoản nợ phải thu khó đòi này.

<sup>(i)</sup> Do tình hình tiêu thụ bộ sách tiếng anh Express gặp nhiều thử thách nên Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam chưa thể thanh toán khoản công nợ mua sách phát sinh từ năm 2017 theo đúng thời hạn thanh toán được quy định trong các hợp đồng mua bán. Căn cứ vào số nợ quá hạn và thời gian quá hạn thanh toán với công ty này, Công ty đã thực hiện trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi theo hướng dẫn của Thông tư 228/2009/TT-BTC.

## 9. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	87.688.742.246	-	59.261.414.470	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	13.225.567.039	-	8.597.016.753	-
Thành phẩm	26.230.777.548	(2.831.376.884)	27.664.345.964	(4.491.837.755)
Hàng hoá	45.854.560.391	-	65.556.966.292	-
Hàng gửi đi bán	6.324.969.946	-	7.836.907.557	-
	<b>179.324.617.170</b>	<b>(2.831.376.884)</b>	<b>168.916.651.036</b>	<b>(4.491.837.755)</b>

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho là thành phẩm được trích lập do giá trị các loại sách chậm luân chuyển, đã lạc hậu về nội dung, cũ nát, mất phẩm chất không có khả năng tiêu thụ và đang chờ thanh lý. Các loại sách này sẽ được Công ty xem xét biện pháp thanh lý khi hết mùa vụ phát hành.

## 10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>		
- Thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ chờ phân bổ <sup>(i)</sup>	11.372.329.333	10.307.345.864
- Chi phí thuê cửa hàng, thuê kho chờ phân bổ	3.225.953.637	252.900.001
- Chi phí bản thảo, chi phí quản lý xuất bản chờ phân bổ <sup>(ii)</sup>	6.099.352.000	314.625.335
	<b>20.697.634.970</b>	<b>10.874.871.200</b>
<b>b) Dài hạn</b>		
- Chi phí mua bản quyền in sách	1.159.642.410	564.933.771
- Chi phí thuê kho, sửa chữa cửa hàng	444.942.936	2.437.418.182
	<b>1.604.585.346</b>	<b>3.002.351.953</b>

<sup>(i)</sup> Thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ được phân bổ vào giá vốn hàng bán căn cứ theo tỷ lệ giữa Giá vốn hàng bán so với giá vốn hàng bán cộng với giá thành của hàng tồn kho.

<sup>(ii)</sup> Phí bản thảo, phí quản lý xuất bản được ghi nhận căn cứ theo hóa đơn tài chính của Nhà Xuất bản Giáo dục tại Hà Nội và được phân bổ vào giá thành căn cứ vào số lượng sách in nhập kho trong năm.

## 11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư đầu năm	11.011.260.988	440.053.146	11.451.314.134
- Mua trong năm	-	573.000.000	573.000.000
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>11.011.260.988</b>	<b>1.013.053.146</b>	<b>12.024.314.134</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số dư đầu năm	4.696.619.312	351.063.281	5.047.682.593
- Khấu hao trong năm	2.739.017.784	236.625.976	2.975.643.760
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>7.435.637.096</b>	<b>587.689.257</b>	<b>8.023.326.353</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Tại ngày đầu năm	6.314.641.676	88.989.865	6.403.631.541
<b>Tại ngày cuối năm</b>	<b>3.575.623.892</b>	<b>425.363.889</b>	<b>4.000.987.781</b>

Nguyên giá TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 1.232.750.216 VND.

## 12. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Bất động sản đầu tư là tòa nhà K3B Thành Công tại địa chỉ K3B Ngõ 6A, Phường Thành Công, Quận Ba Đình, Hà Nội với nguyên giá là 87.244.777.643 VND, giá trị hao mòn lũy kế tại ngày 31/12/2018 là 23.556.089.925 VND trong đó khấu hao trong năm là 3.489.791.100 VND.

Bất động sản đầu tư này đang được sử dụng để cho thuê và được dùng để đảm bảo cho Hợp đồng vay tín dụng số 01/2018-HĐCVHM/NHCT106-HEID ngày 29/06/2018 với Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội.

### 13. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒ DANG

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Công trình nhà kho tại Xã Tiên Dương - Đông Anh - Hà Nội <sup>(i)</sup>	-	5.783.658.818
Công trình Trung tâm xuất bản - Phát hành Sách giáo khoa <sup>(ii)</sup>	300.000.000	300.000.000
	<b>300.000.000</b>	<b>6.083.658.818</b>

<sup>(i)</sup> Đây là khoản vốn góp của Công ty để thực hiện Hợp đồng số 47/2010/HĐGV ngày 15/07/2010 giữa Công ty và các bên. Khoản góp vốn này đã được Công ty phân loại sang khoản mục Phải thu ngắn hạn khác (Xem tại thuyết minh 7).

<sup>(ii)</sup> Theo Hợp đồng góp vốn số 1B/2010/HĐGV ngày 08/07/2010, Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội và Công ty TNHH Một thành viên Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam đã thống nhất thực hiện góp vốn để cùng đầu tư xây dựng công trình cao tầng tại quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội thuộc Dự án “Xây dựng Trung tâm xuất bản - Phát hành Sách giáo khoa”. Hiện tại dự án này đang tạm dừng đầu tư.

### 14. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

Lợi thế thương mại phát sinh tại ngày mua Công ty TNHH MTV Hồng Hà Thành Công (công ty con) với tổng giá trị là 25.190.561.959 VND được phân bổ trong vòng 10 năm (120 tháng), thời gian phân bổ còn lại là 39 tháng, số đã phân bổ vào kết quả kinh doanh hợp nhất trong năm là 2.519.056.196 VND.

## 15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá trị	Số có khả năng	Giá trị	Số có khả năng
	VND	trả nợ VND	VND	trả nợ VND
<b>a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn</b>				
- Nhà Xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	8.745.521.502	8.745.521.502	-	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng	3.483.555.843	3.483.555.843	-	-
- Phải trả cho các đối tượng khác	21.904.620.275	21.904.620.275	35.447.012.025	35.447.012.025
	<b>34.133.697.620</b>	<b>34.133.697.620</b>	<b>35.447.012.025</b>	<b>35.447.012.025</b>
<b>b) Phải trả người bán là các bên liên quan</b>	<b>13.987.453.266</b>	<b>13.987.453.266</b>	<b>767.563.799</b>	<b>767.563.799</b>
(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh 38)				

## 16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	-	887.949.154	3.082.206.252	3.444.121.465	-	526.033.941
Thuế thu nhập doanh nghiệp	189.638.461	897.266.918	11.818.389.138	11.275.743.486	-	1.250.274.109
Thuế thu nhập cá nhân	527.538.468	808.312.851	5.673.748.158	6.420.492.823	802.452.419	336.482.137
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	-	463.341.376	463.341.376	-	-
Các loại thuế khác	4.843.000	8.206.056	62.661.655	68.661.583	4.843.000	2.206.128
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	265.880.069	265.880.069	-	-
	<b>722.019.929</b>	<b>2.601.734.979</b>	<b>21.366.226.648</b>	<b>21.938.240.802</b>	<b>807.295.419</b>	<b>2.114.996.315</b>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

**17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Chi phí lãi vay	72.748.091	77.199.711
Trích trước phí quản lý xuất bản	25.730.226.698	25.595.412.048
Trích trước chi phí tổ chức bản thảo, công in	14.465.368.843	9.991.803.406
Trích trước chi phí xây dựng, duy trì, vận hành, phát triển và khai thác sách mềm	4.832.585.522	-
Trích trước chi phí bản quyền và dịch sách	646.413.242	443.279.284
Chi phí phải trả khác	2.447.971.948	2.955.893.050
	<b>48.195.314.344</b>	<b>39.063.587.499</b>

**18. PHẢI TRẢ KHÁC**

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>		
Kinh phí công đoàn	302.944.291	226.216.691
Các khoản bảo hiểm phải nộp	-	2.012.217
Các khoản phải trả, phải nộp khác	129.806.914	14.000.000
- <i>Cổ tức lợi nhuận phải trả</i>	<i>14.000.000</i>	<i>14.000.000</i>
- <i>Phải trả, phải nộp khác</i>	<i>115.806.914</i>	-
	<b>432.751.205</b>	<b>242.228.908</b>
<b>b) Dài hạn</b>		
Nhận ký quỹ, ký cược	1.785.365.800	1.594.338.800
	<b>1.785.365.800</b>	<b>1.594.338.800</b>

## 19. VAY NGẮN HẠN

	01/01/2018		Trong năm		31/12/2018	
	Giá trị	Số có khả năng	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng
		trả nợ				trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội	74.560.075.423	74.560.075.423	326.847.148.720	347.909.560.851	53.497.663.292	53.497.663.292
Ngân hàng TNHH MTV SHINHAN Việt Nam	11.268.141.428	11.268.141.428	32.789.340.299	20.977.037.980	23.080.443.747	23.080.443.747
	<b>85.828.216.851</b>	<b>85.828.216.851</b>	<b>359.636.489.019</b>	<b>368.886.598.831</b>	<b>76.578.107.039</b>	<b>76.578.107.039</b>

### Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng và các tổ chức tín dụng khác của Công ty như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	Hình thức đảm bảo	31/12/2018	01/01/2018
				VND	VND
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội	VND	Theo từng thời điểm	Tài sản gắn liền với đất của Công ty TNHH MTV Hồng Hà Thành Công	53.497.663.292	74.560.075.423
- Ngân hàng TNHH MTV SHINHAN Việt Nam	VND	Theo từng thời điểm	Quyền sở hữu và lợi ích trong các hợp đồng mua bán/cung cấp hàng hóa dịch vụ mà bên thế chấp có quyền sở hữu	23.080.443.747	11.268.141.428
				<b>76.578.107.039</b>	<b>85.828.216.851</b>

## 20. VỐN CHỦ SỞ HỮU

### a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Số dư đầu năm trước</b>	<b>150.000.000.000</b>	<b>1.945.655.948</b>	<b>42.361.139.942</b>	<b>13.593.784.094</b>	<b>25.237.870.157</b>	-	<b>233.138.450.141</b>
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	36.222.527.139	-	36.222.527.139
Trả cổ tức bằng tiền mặt	-	-	-	-	(18.000.000.000)	-	(18.000.000.000)
Trích lập quỹ đầu tư phát triển	-	-	10.089.908.359	1.775.735.449	(11.865.643.808)	-	-
Trích lập Quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	(3.551.470.899)	-	(3.551.470.899)
Trích lập Quỹ điều hành	-	-	-	-	(1.775.735.449)	-	(1.775.735.449)
Điều chỉnh khác	-	-	(615.203.239)	-	615.203.239	-	-
Do công ty con phát hành tăng vốn cho cổ đông không kiểm soát	-	(11.000.000)	-	-	-	330.000.000	319.000.000
Giảm do thay đổi tỷ lệ lợi ích tại Công ty con	-	-	(11.094.315)	-	(106.273.506)	117.367.821	-
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>150.000.000.000</b>	<b>1.934.655.948</b>	<b>51.824.750.747</b>	<b>15.369.519.543</b>	<b>26.776.476.873</b>	<b>447.367.821</b>	<b>246.352.770.932</b>
<b>Số dư đầu năm nay</b>	<b>150.000.000.000</b>	<b>1.934.655.948</b>	<b>51.824.750.747</b>	<b>15.369.519.543</b>	<b>26.776.476.873</b>	<b>447.367.821</b>	<b>246.352.770.932</b>
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	40.940.391.113	7.062.883	40.947.453.996
Trả cổ tức bằng tiền	-	-	-	-	(19.500.000.000)	-	(19.500.000.000)
Trích lập quỹ đầu tư phát triển	-	-	5.360.296.293	-	(5.360.296.293)	-	-
Tạm phân phối lợi nhuận năm 2018	-	-	3.739.719.918	1.869.859.959	(11.219.159.754)	-	(5.609.579.877)
- Trích lập quỹ đầu tư phát triển và quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	3.739.719.918	1.869.859.959	(5.609.579.877)	-	-
- Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	(3.739.719.918)	-	(3.739.719.918)
- Trích Quỹ điều hành của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát	-	-	-	-	(1.869.859.959)	-	(1.869.859.959)
Điều chỉnh do giảm thuế TNDN phải nộp năm trước	-	-	-	-	20.630.161	-	20.630.161
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>150.000.000.000</b>	<b>1.934.655.948</b>	<b>60.924.766.958</b>	<b>17.239.379.502</b>	<b>31.658.042.100</b>	<b>454.430.704</b>	<b>262.211.275.212</b>

Theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số 05/2018/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26/04/2018, Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận như sau:

	Tỷ lệ %	Số tiền VND
Kết quả kinh doanh sau thuế năm 2017 trên Báo cáo tài chính riêng		35.514.708.989
Đã tạm phân phối trong năm 2017 như sau		10.654.412.696
- Trích Quỹ đầu tư phát triển	10%	3.551.470.899
- Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi	10%	3.551.470.899
- Trích Quỹ điều hành của Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát	5%	1.775.735.449
- Quỹ bổ sung vốn điều lệ	5%	1.775.735.449
Phân phối phần lợi nhuận năm 2017 còn lại trong năm nay		24.860.296.293
- Trích Quỹ đầu tư phát triển	15%	5.360.296.293
- Chi trả cổ tức (Tương ứng mỗi cổ phần nhận 1.300 VND)	13%/cổ phần	19.500.000.000
Lợi nhuận năm 2017 còn lại chưa phân phối		-

Căn cứ theo phương án phân chia kết quả kinh doanh năm 2018 của Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số 05-2018/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26/04/2018, Công ty đã tạm phân phối lợi nhuận năm 2018 như sau:

	Tỷ lệ %	Số tiền VND
Kết quả kinh doanh năm 2018 Báo cáo tài chính riêng sau thuế		37.397.199.181
Trích Quỹ Đầu tư phát triển	10%	3.739.719.918
Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi	10%	3.739.719.918
Trích Quỹ điều hành của Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát	5%	1.869.859.959
Quỹ bổ sung vốn điều lệ	5%	1.869.859.959
Lợi nhuận năm 2018 còn lại chưa phân phối		26.178.039.427

**b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	31/12/2018 VND	Tỷ lệ %	01/01/2018 VND	Tỷ lệ %
Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam	60.246.000.000	40,16%	60.246.000.000	40,16%
Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Giáo dục	7.581.890.000	5,05%	11.665.890.000	7,78%
Peter Eric Dennis	7.816.000.000	5,21%	7.816.000.000	5,21%
Các cổ đông khác	74.356.110.000	49,56%	70.272.110.000	46,85%
<b>Cộng</b>	<b>150.000.000.000</b>	<b>100%</b>	<b>150.000.000.000</b>	<b>100%</b>



c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	150.000.000.000	150.000.000.000
- Vốn góp cuối năm	150.000.000.000	150.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia		
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu năm	14.000.000	14.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả trong năm	19.500.000.000	18.000.000.000
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	19.500.000.000	18.000.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả bằng tiền	19.500.000.000	18.000.000.000
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	19.500.000.000	18.000.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả cuối năm	14.000.000	14.000.000

d) Cổ phiếu

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành		
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	15.000.000	15.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	15.000.000	15.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	15.000.000	15.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	15.000.000	15.000.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu

e) Các quỹ của Công ty

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
- Quỹ đầu tư phát triển	60.924.766.958	51.824.750.747
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	17.239.379.502	15.369.519.543
	<b>78.164.146.460</b>	<b>67.194.270.290</b>

21. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tài sản thuê ngoài

Công ty thuê văn phòng, cửa hàng và các nhà kho theo hợp đồng thuê hoạt động. Tại thời điểm 31/12/2018, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
- Từ 1 năm trở xuống	4.320.425.000	2.917.018.182
- Từ 1 năm đến 5 năm	1.178.000.000	159.200.000

Ngoài ra, Công ty TNHH Một thành viên Hồng Hà Thành Công (Công ty con) ký hợp đồng thuê đất tại số K3b, ngõ 6A, phố Thành Công, phường Thành Công, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội với Nhà nước nhằm mục đích sử dụng đất để đầu tư xây dựng và kinh doanh công trình tòa nhà văn phòng cho thuê, thời hạn thuê 50 năm kể từ ngày 10/08/2009. Diện tích đất thuê là 1.023 m<sup>2</sup>. Theo hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm cho Nhà nước cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành.

## 22. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	608.984.993.026	582.644.526.236
- <i>Doanh thu sách giáo khoa, sách bổ trợ</i>	332.165.028.371	271.854.418.690
- <i>Doanh thu sách tham khảo</i>	159.318.207.360	232.912.531.486
- <i>Doanh thu bán vật tư</i>	60.507.742.138	30.995.372.401
- <i>Doanh thu thiết bị giáo dục, hàng khai thác ngoài, khác</i>	56.994.015.157	46.882.203.659
Doanh thu cung cấp dịch vụ	8.427.533.800	8.077.159.141
	<b>617.412.526.826</b>	<b>590.721.685.377</b>

### Doanh thu đối với các bên liên quan

(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh 38)

	<b>129.071.730.450</b>	<b>155.571.532.224</b>
--	------------------------	------------------------

## 23. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Chiết khấu thương mại	12.844.816.232	9.738.727.120
Hàng bán bị trả lại	5.464.985.082	3.921.327.196
	<b>18.309.801.314</b>	<b>13.660.054.316</b>

## 24. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Giá vốn của hàng hoá đã bán	430.450.323.044	420.209.196.633
- <i>Giá vốn bán sách giáo khoa, sách bổ trợ</i>	207.965.509.275	164.267.014.971
- <i>Giá vốn bán sách tham khảo</i>	125.120.509.776	196.634.452.622
- <i>Giá vốn bán vật tư</i>	61.642.414.793	32.048.408.687
- <i>Giá vốn bán thiết bị giáo dục, hàng khai thác ngoài, khác</i>	35.721.889.200	27.259.320.353
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	6.905.011.005	6.479.029.099
Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(1.660.460.871)	(9.125.633.415)
	<b>435.694.873.178</b>	<b>417.562.592.317</b>

## 25. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.831.362.216	409.551.683
Cổ tức, lợi nhuận được chia	1.071.375.000	1.072.252.500
Lãi bán hàng trả chậm, chiết khấu thanh toán	14.057.558	58.985.650
	<b>2.916.794.774</b>	<b>1.540.789.833</b>

## 26. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Lãi tiền vay	4.537.194.404	5.731.393.047
Dự phòng/(Hoàn nhập dự phòng) giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	(471.621.200)	6.594.142.400
Chi phí tài chính khác	5.343.523	46.368.796
	<b>4.070.916.727</b>	<b>12.371.904.243</b>

## 27. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	329.805.469	70.374.422
Chi phí nhân công	23.222.129.549	18.302.645.287
Chi phí công cụ, dụng cụ, đồ dùng	320.848.821	92.623.545
Chi phí khấu hao tài sản cố định	372.083.040	369.138.038
Chi phí dịch vụ mua ngoài	21.006.731.627	23.457.674.068
Chi phí khác bằng tiền	18.244.818.870	20.111.356.405
	<b>63.496.417.376</b>	<b>62.403.811.765</b>

## 28. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	3.237.706.370	3.903.435.834
Chi phí nhân công	13.444.190.672	11.682.086.850
Chi phí công cụ, dụng cụ, đồ dùng	315.750.641	458.788.587
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.603.560.720	1.931.973.640
Thuế, phí và lệ phí	471.341.376	471.341.000
Chi phí dự phòng	9.666.134.612	2.160.302.479
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.858.184.392	9.245.349.210
Chi phí khác bằng tiền	7.407.907.656	4.944.519.169
Lợi thế thương mại	2.519.056.196	2.519.056.196
	<b>45.523.832.635</b>	<b>37.316.852.965</b>

## 29. THU NHẬP KHÁC

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	-	304.545.454
Nhận tài trợ bản quyền dịch sách	270.684.987	1.646.370.720
Các khoản khác	144.047.289	163.844.589
	<b>414.732.276</b>	<b>2.114.760.763</b>

### 30. CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Chi phí từ nhận tài trợ chi phí bản quyền dịch sách	67.671.247	248.772.107
Xử lý nợ phải thu không thể thu hồi	-	3.415.823.901
Xử lý chi phí sản xuất kinh doanh dở dang không thể thu hồi	703.799.505	-
Các khoản bị phạt	257.758.883	12.624.248
Các khoản khác	205.200.019	885.587.732
	<b>1.234.429.654</b>	<b>4.562.807.988</b>

### 31. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Chi phí thuế TNDN hiện hành tại Công ty mẹ	10.180.662.921	8.877.803.381
Chi phí thuế TNDN hiện hành tại các Công ty con	1.658.356.378	1.722.500.579
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>11.839.019.299</b>	<b>10.600.303.960</b>

### 32. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	40.940.391.113	36.222.527.139
Các khoản điều chỉnh :	(5.609.579.877)	(5.327.206.348)
- <i>Quyết khen thưởng phúc lợi, Quỹ khen thưởng ban điều hành</i> <sup>(i)</sup>	(5.609.579.877)	(5.327.206.348)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	35.330.811.236	30.895.320.791
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	15.000.000	15.000.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>2.355</b>	<b>2.060</b>

<sup>(i)</sup> Công ty tạm trích quỹ khen thưởng phúc lợi, Quỹ khen thưởng ban điều hành theo phương án phân chia kết quả kinh doanh năm 2018 của Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số 05-2018/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26/04/2018.

### 33. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	161.909.607.786	154.536.656.990
Chi phí nhân công	38.803.565.354	31.829.771.870
Chi phí công cụ, dụng cụ, đồ dùng	663.658.553	551.412.132
Chi phí khấu hao tài sản cố định	6.465.434.860	5.975.484.619
Thuế, phí và lệ phí	505.634.868	685.349.082
Chi phí dự phòng	9.666.134.612	3.199.096.846
Chi phí dịch vụ mua ngoài	117.655.363.501	134.318.078.756
Chi phí khác bằng tiền	25.862.198.664	30.218.835.844
Lợi thế thương mại	2.519.056.196	2.519.056.196
	<b>364.050.654.394</b>	<b>363.833.742.335</b>

### 34. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	53.846.818.651	-	41.028.367.616	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	65.988.656.129	(14.208.981.965)	70.349.660.945	(4.542.847.353)
Các khoản cho vay	1.000.000.000	-	1.000.000.000	-
Đầu tư ngắn hạn	118.776.400	(103.655.450)	118.776.400	(101.266.650)
Đầu tư dài hạn	11.581.750.000	(5.566.650.000)	11.581.750.000	(6.592.660.000)
	<b>132.536.001.180</b>	<b>(19.879.287.415)</b>	<b>124.078.554.961</b>	<b>(11.236.774.003)</b>

	Giá trị sổ kế toán	
	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
<b>Nợ phải trả tài chính</b>		
Vay và nợ	76.578.107.039	85.828.216.851
Phải trả người bán, phải trả khác	36.351.814.625	37.283.579.733
Chi phí phải trả	48.195.314.344	39.063.587.499
	<b>161.125.236.008</b>	<b>162.175.384.083</b>

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

#### Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

#### Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá và lãi suất.

#### Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc năm tài chính Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
<b>Tại ngày 31/12/2018</b>				
Đầu tư ngắn hạn	15.120.950	-	-	15.120.950
Đầu tư dài hạn	-	6.015.100.000	-	6.015.100.000
<b>Cộng</b>	<b>15.120.950</b>	<b>6.015.100.000</b>	<b>-</b>	<b>6.030.220.950</b>
<b>Tại ngày 01/01/2018</b>				
Đầu tư ngắn hạn	17.509.750	-	-	17.509.750
Đầu tư dài hạn	-	4.989.090.000	-	4.989.090.000
<b>Cộng</b>	<b>17.509.750</b>	<b>4.989.090.000</b>	<b>-</b>	<b>5.006.599.750</b>

**Rủi ro về lãi suất:**

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay, khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
<b>Tại ngày 31/12/2018</b>				
Tiền	53.846.818.651	-	-	53.846.818.651
Phải thu khách hàng, phải thu khác	51.523.874.164	255.800.000	-	51.779.674.164
Các khoản cho vay	-	1.000.000.000	-	1.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>105.370.692.815</b>	<b>1.255.800.000</b>	<b>-</b>	<b>106.626.492.815</b>
<b>Tại ngày 01/01/2018</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	41.028.367.616	-	-	41.028.367.616
Phải thu khách hàng, phải thu khác	65.181.013.592	625.800.000	-	65.806.813.592
Các khoản cho vay	-	1.000.000.000	-	1.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>106.209.381.208</b>	<b>1.625.800.000</b>	<b>-</b>	<b>107.835.181.208</b>

#### *Rủi ro thanh khoản*

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
<b>Tại ngày 31/12/2018</b>				
Vay và nợ	76.578.107.039	-	-	76.578.107.039
Phải trả người bán, phải trả khác	34.566.448.825	1.785.365.800	-	36.351.814.625
Chi phí phải trả	48.195.314.344	-	-	48.195.314.344
	<b>159.339.870.208</b>	<b>1.785.365.800</b>	-	<b>161.125.236.008</b>
<b>Tại ngày 01/01/2018</b>				
Vay và nợ	85.828.216.851	-	-	85.828.216.851
Phải trả người bán, phải trả khác	35.689.240.933	1.594.338.800	-	37.283.579.733
Chi phí phải trả	39.063.587.499	-	-	39.063.587.499
	<b>160.581.045.283</b>	<b>1.594.338.800</b>	-	<b>162.175.384.083</b>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

#### 35. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

##### Số tiền đi vay thực thu trong năm

Toàn bộ số tiền vay nhận được phản ánh trên Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất là tiền thực thu từ đi vay theo kế ước thông thường.

##### Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm

Toàn bộ số tiền vay đã trả trong kỳ phản ánh trên Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất là tiền thực trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường.

#### 36. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất này.

### 37. BÁO CÁO BỘ PHẬN

#### Theo lĩnh vực kinh doanh

	Kinh doanh sách và thiết bị giáo dục	Cho thuê bất động sản	Tổng cộng các bộ phận	Loại trừ	Tổng cộng toàn Doanh nghiệp
	VND	VND	VND	VND	VND
Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ	595.565.785.510	13.843.937.391	609.409.722.901	(10.306.997.389)	599.102.725.512
Giá vốn từ bán hàng và dịch vụ	433.680.455.971	6.905.011.005	440.585.466.976	(4.890.593.798)	435.694.873.178
<b>Lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>161.885.329.539</b>	<b>6.938.926.386</b>	<b>168.824.255.925</b>	<b>(15.197.591.187)</b>	<b>163.407.852.334</b>
Tổng chi phí mua tài sản cố định	573.000.000	-	573.000.000	-	573.000.000
Tài sản bộ phận	500.298.140.757	118.947.087.736	619.245.228.493	(181.319.186.645)	437.926.041.848
Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	8.186.932.636
<b>Tổng Tài sản</b>	<b>500.298.140.757</b>	<b>118.947.087.736</b>	<b>619.245.228.493</b>	<b>(181.319.186.645)</b>	<b>446.112.974.484</b>
Nợ phải trả của các bộ phận	235.982.193.466	3.057.313.498	239.039.506.964	(55.137.807.692)	183.901.699.272
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>235.982.193.466</b>	<b>3.057.313.498</b>	<b>239.039.506.964</b>	<b>(55.137.807.692)</b>	<b>183.901.699.272</b>

Theo khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động của Công ty diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam. Do đó, Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.



### 38. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Công ty có các giao dịch phát sinh trong năm và số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong năm:

	Mối quan hệ	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
<b>Doanh thu bán hàng hóa</b>		<b>129.071.730.450</b>	<b>155.571.532.224</b>
Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Công ty liên kết	344.669.809	114.072.097
Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học Hà Tây	Công ty liên kết	36.675.144.501	29.763.941.891
Nhà xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	Cùng Tập đoàn	118.350.633	20.530.786
Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học thành phố Hồ Chí Minh	Cùng Tập đoàn	18.972.111.120	13.307.501.305
Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học Hà Tĩnh	Cùng Tập đoàn	11.568.342.324	8.580.043.545
Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học Hòa Bình	Cùng Tập đoàn	8.457.054.496	8.521.138.931
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng	Cùng Tập đoàn	7.550.281.399	1.630.580.949
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam	Cùng Tập đoàn	22.222.022.572	63.085.081.941
Công ty CP Mĩ thuật và Truyền thông	Cùng Tập đoàn	4.995.486.084	3.750.695.844
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Bắc	Cùng Tập đoàn	1.975.729.429	5.708.398.858
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Trung	Cùng Tập đoàn	3.682.800	3.780.000
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam	Cùng Tập đoàn	5.045.161.311	57.571.429
Công ty CP Sách giáo dục tại thành phố Đà Nẵng	Cùng Tập đoàn	305.195.236	7.810.621.046
Công ty CP Sách Giáo dục tại thành phố Hà Nội	Cùng Tập đoàn	245.897.043	732.008.151
Công ty CP Sách Giáo Dục tại Thành phố Hồ Chí Minh	Cùng Tập đoàn	731.503.999	1.791.266.580
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Điện Biên	Cùng Tập đoàn	9.719.420.463	10.694.298.871
Công ty CP Sách Đại học - Dạy nghề	Cùng Tập đoàn	60.507.370	-
Công ty CP Đầu tư & Xuất bản giáo dục	Cùng Tập đoàn	2.841.080	-
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Cần Thơ	Cùng Tập đoàn	70.457.905	-
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Tiền Giang	Cùng Tập đoàn	7.870.876	-

Giao dịch phát sinh trong năm:

	Mối quan hệ	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
<b>Mua vật tư, hàng hóa, Phí tổ chức và quản lý xuất bản</b>		<b>83.834.994.541</b>	<b>66.229.295.965</b>
Nhà xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	Cùng Tập đoàn	51.739.340.827	46.066.641.154
Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học Hà Tây	Công ty liên kết	142.359.618	86.689.524
Công ty CP Bản đồ và Tranh ảnh Giáo dục	Cùng Tập đoàn	218.743.732	330.520.519
Công ty CP Sách Dân tộc	Cùng Tập đoàn	4.800.220.577	185.037.527
Công ty CP Sách Đại học - Dạy nghề	Cùng Tập đoàn	4.231.484.755	476.628.632
Công ty CP Sách giáo dục tại thành phố Đà Nẵng	Cùng Tập đoàn	103.136.260	285.874.128
Công ty CP Dịch vụ xuất bản Giáo dục Hà Nội	Cùng Tập đoàn	10.480.541.049	9.798.692.574
Công ty CP Học liệu	Cùng Tập đoàn	5.043.324.207	3.171.250.000
Công ty CP Mĩ thuật và Truyền thông	Cùng Tập đoàn	48.783.689	104.904.230
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Bắc	Cùng Tập đoàn	5.522.618.419	3.371.432.155
Công ty CP In sách giáo khoa tại thành phố Hà Nội	Cùng Tập đoàn	1.504.441.408	2.351.625.522
<b>Chi phí thuê kho, thuê văn phòng, dịch vụ khác</b>		<b>2.009.476.697</b>	<b>1.699.118.201</b>
Nhà xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	Cùng Tập đoàn	1.658.652.727	1.351.200.001
Công ty CP In sách giáo khoa tại thành phố Hà Nội	Cùng Tập đoàn	350.823.970	347.918.200
<b>Cổ tức và lợi nhuận được chia</b>		<b>1.071.250.000</b>	<b>1.071.250.000</b>
Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội	Cùng Tập đoàn	121.250.000	121.250.000
Công ty Cổ phần Sách Thiết bị trường học Hà Tây	Công ty liên kết	950.000.000	950.000.000

Số dư tại ngày kết thúc năm tài chính:

	Mối quan hệ	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
<b>Phải thu ngắn hạn của khách hàng</b>		<b>23.766.677.035</b>	<b>29.888.128.227</b>
Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Công ty mẹ của tập đoàn	255.880.128	472.274.367
Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học Hà Tĩnh	Cùng Tập đoàn	41.953.973	-
Công ty CP Mĩ thuật và Truyền thông	Cùng Tập đoàn	395.362.735	186.610.798
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam	Cùng Tập đoàn	1.737.111.280	387.103.340
Công ty CP Sách Giáo Dục tại thành phố Hà Nội	Cùng Tập đoàn	56.463.700	-
Công ty CP Sách Thiết bị trường học thành phố Hồ Chí Minh	Cùng Tập đoàn	80.368.462	73.520.770
Công ty CP Sách Giáo Dục tại thành phố Hồ Chí Minh	Cùng Tập đoàn	82.388.633	334.781.263

Số dư tại ngày kết thúc năm tài chính:

Mối quan hệ	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
-------------	-------------------	-------------------

Công ty CP Sách Đại học - Dạy nghề	Cùng Tập đoàn	8.775.000	-
Công ty CP In sách giáo khoa tại thành phố Hà Nội	Cùng Tập đoàn	-	1.566.120
Công ty CP Đầu tư và Phát triển giáo dục Phương Nam	Cùng Tập đoàn	21.108.373.124	28.432.271.569
<b>Người mua trả tiền trước ngắn hạn</b>		<b>10.959.810</b>	-
Công ty CP Sách và Thiết bị trường học Điện Biên	Cùng Tập đoàn	10.959.810	-
<b>Phải trả cho người bán ngắn hạn</b>		<b>13.987.453.266</b>	<b>767.563.799</b>
Nhà xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	Cùng Tập đoàn	8.745.521.502	-
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Bắc	Cùng Tập đoàn	46.050.036	-
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng	Cùng Tập đoàn	3.483.555.843	-
Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại thành phố Hà Nội	Cùng Tập đoàn	-	223.839.081
Công ty CP sách và thiết bị trường học Hà Tây	Cùng Tập đoàn	284.000	-
Công ty CP Bàn đồ và Tranh ảnh giáo dục	Cùng Tập đoàn	1.169.280	-
Công ty CP Sách Đại học và Dạy nghề	Cùng Tập đoàn	-	26.628.632
Công ty CP Sách Dân tộc	Cùng Tập đoàn	11.914.378	11.914.378
Công ty CP Dịch vụ xuất bản Giáo dục Hà Nội	Cùng Tập đoàn	1.676.642.627	505.181.708
Công ty CP Sách giáo dục tại thành phố Đà Nẵng	Cùng Tập đoàn	22.315.600	-

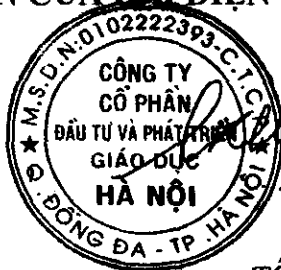
Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Thu nhập của Tổng Giám đốc	814.282.591	895.799.936
Thu nhập của thành viên khác trong Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị	2.355.197.630	2.508.036.669

### 39. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 đã được Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC kiểm toán.

**XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY**



TỔNG GIÁM ĐỐC

*Vũ Bá Khánh*